



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN XUÂN THẮNG:

Công tác lý luận của Đảng, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

20 TRẦN VIỆT KHOA:

Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN từ sớm, từ xa trong thời kỳ mới

29 ĐINH XUÂN DŨNG:

Vận dụng sáng tạo phép biện chứng Mác-xít và quan điểm phát triển trong nghiên cứu lý luận

35

TỪ THỊ LOAN:

Lý luận văn hóa thời kỳ đổi mới: Thành tựu và vấn đề đặt ra trong kỷ nguyên mới

50

NGUYỄN VIỆT THÔNG:

Việc phân kỳ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

61

TƯỜNG DUY KIÊN:

Sự phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người qua gần 40 năm đổi mới



SỰ KIỆN

CÔNG TÁC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 VÀ TÂM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

● GS, TS NGUYỄN XUÂN THẮNG

Ủy viên Bộ Chính trị,

Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,

Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Trong bài viết nhân kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với tiêu đề “*Rạng rỡ Việt Nam*”, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: “Nền tảng lý luận vững chắc là kim chỉ nam cho hành động của Đảng, quyết định sự đúng đắn trong đường lối lãnh đạo và chiến lược phát triển đất nước”¹. Điều đó cho thấy sự quan tâm sâu sắc và kỳ vọng to lớn của người đứng đầu Đảng ta đối với công tác lý luận của Đảng, một nhiệm vụ hết sức quan trọng trong kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

1. Sự phát triển lý luận của Đảng qua 95 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam

V.I.Lênin từng nhấn mạnh: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”². “Chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng mới làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong”.

Thấm nhuần tư tưởng đó, trong cuốn *Đường cách mệnh*, tài liệu học tập lý luận chính trị đầu tiên của Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã viết: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm

cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”⁷³. Hành trình ra đi tìm đường cứu nước của Người cách đây gần 115 năm là hành trình đến với lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin; và từ đây, Người đã sáng suốt *khai sinh ra nền lý luận cách mạng Việt Nam trong thời đại mới*, đặt nền móng vững chắc cho những thành tựu vĩ đại của Đảng và dân tộc.

Với tầm nhìn xa rộng, cách đây 100 năm, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã mở những lớp huấn luyện chính trị đầu tiên để chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho sự ra đời của Đảng, mà trước hết là huấn luyện về lý luận - tư tưởng chính trị. Nhiều người trong số những học viên đầu tiên đó đã trở thành các nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam, những chiến sĩ cộng sản chân chính, có hiểu biết sâu sắc về lý luận,

am tường thực tiễn, hết mực kiên trung, sẵn sàng xả thân vì độc lập, tự do cho Tổ quốc, vì hạnh phúc, ấm no của nhân dân.

Trong mỗi bước ngoặt của tiến trình cách mạng và phát triển đất nước, công tác lý luận của Đảng đã có những đóng góp hết sức to lớn, để lại những dấu ấn lịch sử vô cùng sâu sắc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối chiến lược, mở ra kỷ nguyên đấu tranh cho độc lập, tự do và thời đại Hồ Chí Minh rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc. Gắn

liền với những thắng lợi vĩ đại trong kỷ nguyên ấy là *lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam* mang sức sống mãnh liệt và tầm vóc thời đại.

Trước hết, đó là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; là tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã viết: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”.

thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đặt Việt Nam vào vị trí là một trong những dân tộc tiên phong trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Với bản chất cách mạng và khoa học, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng; là cơ sở chính trị và khoa học để Đảng vạch ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn.

Phân tích đúng thời cơ, phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn và niềm tin vững chắc vào tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁴, với khát vọng cháy bỏng, ý chí quyết tâm “đù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”⁵, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên thắng lợi lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, gióng lên hồi chuông thức tỉnh các dân tộc đang bị áp bức trên toàn thế giới vùng lên tự

cứu mình. Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng đã đúc kết thành lý luận về chiến tranh nhân dân, về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, lãnh đạo toàn thể dân tộc tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thắng lợi, làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” (năm 1954), mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. Với bản lĩnh, trí tuệ vô song, giương cao ngọn cờ tư tưởng - lý luận “không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁶, xác lập và thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, Đảng đã huy động sức mạnh của nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phối hợp đấu tranh đồng bộ trên các mặt trận chính trị - quân sự - ngoại giao, đập tan mọi chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giành thắng lợi từng bước, tiến tới Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra chặng đường mới đưa cả nước

đi lên chủ nghĩa xã hội.

Những thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, giữ vững nền độc lập, tự do là minh chứng hùng hồn, sinh động về những đóng góp to lớn có ý nghĩa lịch sử và sức sống mãnh liệt của nền lý luận cách mạng Việt Nam; khẳng định đây là nền tảng khoa học cho đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng; khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng đối với cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong những năm tháng đất nước đứng trước muôn vàn khó khăn, bị bao vây, cấm vận, đối mặt với khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, tổng kết thực tiễn trong nước và thế giới, với tinh thần “*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự*

thật”⁷, công tác lý luận đã cung cấp những luận cứ khoa học sâu sắc, thuyết phục để hình thành đường lối đổi mới toàn diện, bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đưa đất

_____ nước bước vào kỷ nguyên đổi mới, hội nhập và phát triển.
Trước sự sụp đổ của Liên Xô và tan rã của hệ thống chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xô viết, công tác lý luận đã cung cấp những luận cứ khoa học chắc chắn để khẳng định rằng, đây không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung, lại càng không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà chỉ là sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều, xơ cứng, xa dân, xa rời những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Điểm khởi đầu của tiến trình đổi mới chính là sự đổi mới về nhận thức, tư duy lý luận, mà trước hết là nhận thức, tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trước sự sụp đổ của Liên Xô và tan rã của hệ thống chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xô viết, công tác lý luận đã cung cấp những luận cứ khoa học chắc chắn để khẳng định rằng, đây không phải là sự sụp đổ của chủ

_____ nghĩa xã hội nói chung, lại càng không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà chỉ là sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều, xơ

cứng, xa dân, xa rời những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là những nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc thực tiễn và sự thiếu thích ứng với những thay đổi thường xuyên của đời sống chính trị - xã hội. Đó còn là hệ quả của những sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị và sự buông lỏng công tác chính trị - tư tưởng, công tác tổ chức, đặc biệt là công tác cán bộ của đảng cầm quyền trong quá trình cải tổ. Ngay từ thời điểm vô cùng khó khăn ấy, Đảng ta đã khẳng định rõ ràng rằng phải đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng ta cũng đã tuyên bố dứt khoát rằng, theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội. Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử⁸.

Qua gần 40 năm (1986 - 2025) tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, rút kinh nghiệm sâu sắc từ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình kế hoạch hóa tập trung; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới, công tác lý luận đã đóng vai trò rất quan trọng trong xây dựng *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991* và *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)*, hình thành từng bước và hoàn thiện hệ thống lý luận cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, với những nội dung cốt lõi, nổi bật sau đây:

Thứ nhất, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng mang các *đặc trưng* vừa thể hiện giá trị, bản sắc và khát vọng phát triển của dân tộc Việt Nam, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước, vừa mang những giá trị phổ quát, tiến bộ của nhân loại, đó là: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới⁹.

Thứ hai, mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tạo lập dựa trên ba trụ cột: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa¹⁰.

Thứ ba, các phương hướng cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội là: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây

dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện¹¹.

Thứ tư, luôn nắm vững, quán triệt sâu sắc và xử lý tốt các *mối quan hệ lớn* phản ánh những vấn đề mang tính quy luật biện chứng trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là: quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành

dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội¹².

Cần khẳng định, đổi mới là cả một sự nghiệp sáng tạo mang tầm vóc lịch sử và ý nghĩa cực kỳ to lớn trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, do nhân dân Việt Nam thực hiện. *Đổi mới tư duy lý luận đã đi trước một bước*, luận chứng nội dung, phương hướng, định hướng chiến lược cho các chủ trương, chính sách đổi mới trên mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, v.v..

Từ tư duy kế hoạch hóa tập trung, đổi lập kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội, công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn đã góp phần làm sáng tỏ nhận thức rằng, kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, có nhiều mô hình được phát triển và thích ứng với nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, dưới chủ nghĩa tư bản cũng như dưới chủ nghĩa xã hội; phát triển kinh tế thị trường tự nó không thể đi đến chủ nghĩa xã hội, nhưng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội dứt khoát phải phát triển kinh tế thị trường. *Kinh tế thị trường*

định hướng xã hội chủ nghĩa là sự đột phá sáng tạo về lý luận của Đảng và là mô hình phát triển kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Đánh giá sâu sắc nguyên nhân và hệ quả của tình trạng bị cô lập, cấm vận, đóng cửa, khép kín, Đảng đã đổi mới tư duy, lãnh đạo tiến trình mở cửa đất nước và đẩy mạnh hội nhập quốc tế; kế thừa và phát huy tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh để xây dựng hệ thống lý luận ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ mới làm cơ sở cho việc hoạch định, triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; nâng cao vai trò của đất nước trong định hình các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu.

Từ mô hình Nhà nước dân chủ nhân dân, bằng nhận thức đúng đắn, nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm từ những thành công, thất bại trong thực tiễn xây dựng các mô hình chủ nghĩa xã hội trên thế giới, Đảng đã hoàn thiện cơ sở khoa học để chuyển đổi và lãnh đạo

xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; thực hành sáng tạo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; đồng thời, đề ra cơ chế vận hành “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”¹³ và phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”¹⁴ gắn với việc hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân, phát huy sức mạnh của nhân dân và đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác nghiên cứu lý luận của Đảng cũng đã góp phần hình thành chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới; lấy con người là trung tâm và là chủ thể của sự phát triển; làm cho văn hóa, con người trở thành nền tảng vững chắc, là mục tiêu, sức mạnh nội sinh và là động lực quan trọng để phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Kế thừa tư tưởng, nghệ thuật quân

sự truyền thống của dân tộc, phát triển đường lối chiến tranh nhân dân trong các cuộc đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng đã xây dựng hệ thống lý luận về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, về chiến lược quốc phòng, chiến lược quân sự và tư duy tác chiến trong tình hình mới, làm cơ sở cho chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; giữ nước từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy; xây dựng thể trận lòng dân gắn chặt với thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc.

Từ thực tiễn của gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới và gần 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã xây dựng và hình thành *lý luận về đường lối đổi mới*. Đó là hệ thống lý luận sâu sắc, toàn diện về những vấn đề có tính quy luật của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

trong thời kỳ mới; kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân tộc trên cơ sở kiên định, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam, kế thừa giá trị truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa tư tưởng nhân loại. Đó là hệ thống quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn, thể hiện tư duy đổi mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nhìn lại 95 năm qua, trải qua các chặng đường lịch sử của cách mạng Việt Nam, công tác nghiên cứu lý luận đã phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, xây dựng nên một hệ thống lý luận đặc sắc Việt Nam, nổi bật là: *lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, lý luận về đường lối đổi mới của Việt Nam*, làm cơ sở cho những chủ trương, quyết sách hết sức quan trọng của Đảng trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến trình đổi mới, tạo nên những bước chuyển vĩ đại đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát

triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình cao, tạo nền tảng vững chắc để hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Trong quá trình đó, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc sứ mệnh và mục tiêu của công tác lý luận là cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, đường lối, quyết sách chiến lược của Đảng, phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, nắm vững nguyên tắc “ổn định để phát triển và phát triển để ổn định”; xử lý hài hòa mối quan hệ giữa kiên định và đổi mới; giữa kế thừa và phát triển; kết hợp nhuần nhuyễn giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn, giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn với hoạch định, triển khai đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thứ ba, tạo môi trường nghiên cứu dân chủ, khuyến khích đổi mới sáng tạo, trao đổi và tranh luận trên tinh thần khoa học, phát huy trí tuệ tập thể của đội ngũ các nhà nghiên cứu lý

luận, các nhà hoạch định chính sách; chủ động, tích cực mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tri thức nhân loại phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc.

II- Những định hướng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Bên cạnh những thành tựu rất to lớn đã đạt được, cũng cần thẳng thắn thừa nhận rằng, công tác lý luận của Đảng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Một số vấn đề mà Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030 đã chỉ ra đến nay vẫn còn tồn tại, kết quả nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn¹⁵. Văn kiện Đại hội XIII cũng thẳng thắn nêu: “*Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận* chưa được quan tâm đúng mức, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; một số vấn đề mới, khó, phức tạp chưa được làm sáng tỏ”¹⁶. Đặc biệt, tại Hội nghị tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2016 - 2021 của Hội đồng Lý luận Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã yêu cầu: “không thể để kéo dài tình trạng còn lạc hậu của lý luận

so với sự vận động và đòi hỏi của thực tiễn. Lý luận phải vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn”, “phải có tầm nhìn vượt trước”¹⁷.

Sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đặt ra nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới đầy khó khăn, thách thức song cũng rất đổi vẻ vang đối với công tác lý luận và những người làm công tác lý luận của Đảng. Vì vậy cần:

1. Cần nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc, công tác lý luận của Đảng từ nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn gắn với hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến công tác giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng và tuyên truyền lý luận chính trị; công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mặt trận tư tưởng, lý luận; phát triển đội ngũ và xây dựng tổ chức bộ máy làm công tác lý luận.

Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn là cơ sở quan trọng để củng cố, bổ sung và hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng; là điều kiện bảo đảm Đảng

luôn đổi mới tư duy, tránh rơi vào bảo thủ, trì trệ, hoặc xa rời thực tiễn. Là kim chỉ nam cho mọi hoạt động thực tiễn, tạo sự nhất quán trong tư duy và hành động, lý luận khoa học là công cụ quan trọng phục vụ phân tích, đánh giá chính xác các xu thế phát triển của thời đại, nhận diện rõ những thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức; xác định mục tiêu, xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách phù hợp với bối cảnh và từng giai đoạn phát triển của đất nước. Công tác lý luận giữ vai trò dẫn dắt, định hướng trong việc không ngừng đổi mới tư duy, hoàn thiện phương thức lãnh đạo và cầm

quyền của Đảng, bảo đảm sự linh hoạt, sáng tạo trong đề ra các quyết sách phù hợp với những chuyển biến không ngừng của thực tiễn. Thông qua giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng về lý luận chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng được trang bị tư duy biện chứng sắc bén, bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực giải quyết hiệu quả các tình

huống thực tiễn. Công tác lý luận còn góp phần nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân, chủ động bảo vệ nền tảng tư tưởng, các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, ngăn chặn nguy cơ

Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn là cơ sở quan trọng để củng cố, bổ sung và hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng; là điều kiện bảo đảm Đảng luôn đổi mới tư duy, tránh rơi vào bảo thủ, trì trệ, hoặc xa rời thực tiễn. Là kim chỉ nam cho mọi hoạt động thực tiễn.

“tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo nên sự đồng thuận của nhân dân và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Trên cơ sở nhận thức đó, cần tập trung thực hiện thật tốt một số nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn

Cung cấp luận cứ cho việc hoạch định và triển khai những quyết sách mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới:

Một là, tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề chung của nền “lý luận cách mạng Việt Nam”. Nghiên cứu sự vận dụng và bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư

tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng; tiếp tục khẳng định những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ rõ những nội dung cần nhận thức, vận dụng đúng đắn hơn, những nội dung cần được bổ sung phù hợp với điều kiện cụ thể mới của đất nước và những thay đổi mang tính thời đại, không ngừng hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng, khẳng định vai trò tiên phong, cách mạng và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; làm sâu sắc hơn các trụ cột, đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội, phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chú trọng tổng kết và làm sâu sắc hơn bài học về sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phải luôn được đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng và bài học “dân là gốc”, nhân dân là trung tâm, chủ thể của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, khẳng định đây là

hai nhân tố’ quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam nói chung, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nói riêng.

Nghiên cứu, tổng kết những vấn đề lý luận - thực tiễn, những bài học kinh nghiệm lịch sử qua 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), hình thành hệ luận cứ toàn diện phục vụ cho việc xây dựng Cương lĩnh xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong năm 2025, cần hoàn thiện các nghiên cứu tổng kết 40 năm đổi mới, 50 năm đất nước thống nhất, 80 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng.

Hai là, chú trọng bổ sung lý luận, tổng kết thực tiễn về “mô hình phát triển Việt Nam”. Tăng cường tổng kết thực tiễn mô hình phát triển, mô hình tăng trưởng, mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các địa phương trong nước và các quốc gia trên thế giới, đúc rút những bài học kinh nghiệm, tìm ra những phương thức phát triển hiệu

quả, sáng tạo và có tính khả thi cao trong kỷ nguyên số.

Xây dựng hệ thống lý luận về hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững, gồm các thể chế nền tảng, các thể chế đổi mới sáng tạo và các thể chế phát triển đột phá, vượt trội trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để đưa đất nước ta bắt kịp xu thế thời đại, thậm chí vươn lên dẫn trước trong một số lĩnh vực có lợi thế, vượt qua “bẫy thu nhập trung bình”, trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao.

Làm sâu sắc hơn tư tưởng “lấy con người làm trung tâm”, chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của người dân, bảo đảm “không để ai bị bỏ lại phía sau”, mọi người dân đều có cơ hội tham gia và thụ hưởng các thành quả của quá trình phát triển.

Trên cơ sở đó, cần khẳng định và làm rõ hơn “mô hình phát triển Việt Nam” có bản sắc riêng, với những đặc trưng nổi bật: phát triển nhanh, bao trùm và bền vững, lấy con người làm trung tâm, vận hành trên nguyên tắc: “ổn định để phát triển, phát triển để ổn định” hướng tới một Việt Nam giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Ba là, kịp thời nắm bắt, phân tích thấu đáo những vấn đề mới của thế giới ngày nay. Trong bối cảnh thế giới đang chuyển động nhanh chóng, phức tạp và khó lường, cần tăng cường và nâng cao năng lực phân tích dự báo chiến lược. Công tác lý luận cần đi tiên phong trong nghiên cứu về những chuyển đổi mang tính thời đại; sự hình thành kỷ nguyên kinh tế mới dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; những xu thế lớn của thế giới trong nửa đầu thế kỷ XXI; sự vận động đa chiều của cục diện toàn cầu; sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và khả năng định hình một trật tự thế giới mới; mô hình xã hội tương lai cùng những tác động, biến đổi văn hóa - xã hội sâu rộng; sự khủng hoảng của các giá trị, các mô hình phát triển truyền thống của phương Tây và rút ra các bài học kinh nghiệm, v.v..

Nghiên cứu, chất lọc các học thuyết, tư tưởng phát triển hiện đại, những giá trị tinh hoa phát triển của phương Đông, như: con người là trung tâm, nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, hài hòa, tính cố kết xã hội, tính cộng đồng, gia đình, chia sẻ và trách nhiệm,... kế thừa, kết hợp với các yếu tố tiến bộ của

phương Tây, tiếp tục hoàn thiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

Trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học và thực tiễn hiện nay, tiếp tục nghiên cứu, tổng kết nhận thức của thế giới về chủ nghĩa xã hội hiện thực thế kỷ XXI; tập trung tổng kết các mô hình chủ nghĩa xã hội tiêu biểu, nghiên cứu sâu các khuynh hướng chủ nghĩa xã hội dân chủ, chủ nghĩa xã hội thị trường, chủ nghĩa xã hội sinh thái... phục vụ cho việc hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Bốn là, xây dựng hệ thống lý luận đặc sắc thể hiện tư duy đột phá và những chuyển đổi phát triển mang tính cách mạng trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Làm rõ nội hàm, điều kiện và phương thức xây dựng lực lượng sản xuất mới theo tiên lượng của C. Mác về khoa học công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, cung cấp luận cứ cho việc triển khai các chuyển đổi phát triển mang tính cách mạng của đất nước, như: đột phá về khoa học công

nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số quốc gia... Bổ sung, hoàn thiện lý luận về phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở trình độ cao, trọng tâm là những thể chế đột phá, vượt trội để giải phóng mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng phát triển.

Nghiên cứu, tổng kết những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong việc thực hiện chủ trương: văn hóa, con người là nền tảng, mục tiêu, sức mạnh nội sinh, nguồn lực và động lực quan trọng của sự phát triển; tập trung vào việc phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tin, tự tôn dân tộc, ý chí tự chủ, tự lực, tự cường, cùng khát vọng sáng tạo và cống hiến của mỗi người dân Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Hoàn thiện lý luận về quản lý phát triển xã hội phù hợp với điều kiện và xu hướng biến đổi xã hội ở nước ta trong thời gian tới.

Hình thành hệ thống lý luận toàn diện về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị Việt Nam mang những đặc trưng riêng để định hướng hoàn thiện mô hình tổng thể của hệ thống chính trị; đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, nhất là bổ sung, phát triển và làm sâu sắc hơn các

phương thức lãnh đạo, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; đột phá về công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới; tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân; kiểm soát quyền lực, phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”...

Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn mới để tiếp tục hoàn thiện mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị phổ quát của thế giới và những giá trị đặc thù của Việt Nam; đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy quản trị phát triển; nâng cao hiệu quả phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan hành pháp, lập pháp và tư pháp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và thực hành dân chủ, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình...

Xây dựng hệ thống lý luận về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và

đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế trong tình hình mới; phát triển lý luận quốc phòng, quân sự, an ninh và nghệ thuật quân sự, nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh xã hội làm cơ sở cho việc xây dựng lực lượng quân đội, lực lượng công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; hoàn thiện và triển khai đồng bộ các chiến lược quốc phòng, an ninh. Phát triển tư duy toàn diện, độc đáo về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về đối ngoại, thể hiện trường phái đối ngoại và ngoại giao đặc sắc của Việt Nam trong kỷ nguyên mới, “đi bất biến ứng vạn biến”, kiên định về nguyên tắc, chiến lược, mềm dẻo, linh hoạt về sách lược để bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

3. Cùng với việc đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, quán triệt sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “*huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng*”¹⁸, kế thừa, phát huy truyền thống 100 năm về vang và những bài học kinh nghiệm trong công tác huấn luyện cán bộ qua các thời kỳ cách mạng, qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới,

nhất là trong những năm gần đây, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; xây dựng, kiện toàn hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là hệ thống trường Đảng trong cả nước, theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, phát huy vai trò của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của toàn hệ thống chính trị, nơi hội tụ và kết tinh tri thức lý luận chính trị của Đảng, khẳng định vị thế là ngôi trường “bản sắc, hiện đại, hội nhập”, ngôi trường cao cấp nhất của Đảng mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Chú trọng xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu mới. Tiếp nối trọng trách của những tổ chức tiền thân là Ban Nghiên cứu lý luận, Viện Mác - Lênin, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy vai trò hết sức quan trọng của Hội đồng Lý luận Trung ương đóng góp vào sự nghiệp phát triển lý luận của Đảng,

xúng tằm là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; nghiên cứu, tổng kết và giải đáp những vấn đề lý luận - thực tiễn mới, mở rộng hợp tác quốc tế để chất lọc, tiếp thu tinh hoa tri thức nhân loại; là “túi khôn” đồng thời là hạt nhân kết nối các nhà lý luận cả nước trong công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn.

Trong bối cảnh tình hình thế giới, đất nước đang đứng trước những bước ngoặt phát triển có tính cách mạng, công tác lý luận cần thể hiện vai trò định hướng, vượt trước, cung cấp luận cứ khoa học sâu sắc, thuyết phục cho những chủ trương, định hướng của Đảng. Việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030 là dịp để chúng ta tiếp tục đánh giá, làm rõ hơn những thành tựu cũng như những hạn chế trong công tác lý luận, rút ra những bài học kinh nghiệm, xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn mới, từ đó cần xây dựng một nghị quyết mới về công tác lý luận của Đảng, làm cơ sở cho

những quyết sách chiến lược để tự hào, tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ■

¹ Tổng Bí thư Tô Lâm: “Rạng rỡ Việt Nam” (Bài viết nhân kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025), www.tuoiitre.vn, ngày 02/02/2025).

² V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.30, 32.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.289.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Sđd, tr.596.

⁵ Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập hồi ký*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.129-130.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Sđd, tr.130.

⁷ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.346.

⁸ Xem: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991*, in trong sách: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.128-148.

^{9, 10, 11} Xem: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.63-90, 63-90.

^{12, 14, 16} Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.97-98, 27, 90-91.

¹³ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.69, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.504.

¹⁵ Xem: *Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*, <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.

¹⁷ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.277.

¹⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.309.



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XHCN TỪ SỚM, TỪ XA TRONG THỜI KỲ MỚI

● **Thượng tướng, PGS, TS TRẦN VIỆT KHOA**

*Ủy viên Trung ương Đảng,
Giám đốc Học viện Quốc phòng*

Củ nghĩa Mác - Lênin đã đặt nền móng về tư tưởng, thế giới quan, phương pháp luận cho toàn bộ quá trình bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, từ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đến bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa, là minh chứng sống động về nhận thức, giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, chiến tranh và hòa bình, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chiến lược và sách lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa... Vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, dựng nước phải đi đôi với giữ nước, xây

dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Kết hợp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cả trong thời bình cũng như trong thời chiến, “*bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy*”.

Thực tiễn lịch sử nhân loại nói chung và lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam nói riêng cho thấy chiến tranh diễn ra, tồn tại không chỉ gắn với bản chất hiếu chiến xâm lược, bành trướng, bá quyền, mà còn gắn với rất nhiều vấn đề khác như chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, dân tộc, tôn giáo... Các mối đe dọa đối với độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia không những là

mối đe dọa tiềm ẩn từ bên ngoài mà còn từ chính bên trong của mỗi quốc gia - dân tộc. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch ngày càng tăng cường chống phá chủ nghĩa xã hội, chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các quốc gia, dân tộc bằng rất nhiều âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi và xảo quyệt

hơn, tư duy và tầm nhìn chiến lược lớn hơn, sớm hơn, xa hơn, phức tạp hơn, luôn thay đổi, điều chỉnh, nguy hại hơn đối với độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia - dân tộc trên thế giới. Các nguy cơ đe dọa an ninh phi truyền thống diễn ra ngày càng phức tạp đối với sự tồn tại, phát triển của các quốc gia - dân

tộc. Nhiều quốc gia đã thực hiện bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, phù hợp với điều kiện cụ thể nhằm đập tan mọi mưu đồ xâm lược, phá hoại của các thế lực hiếu chiến, phản động, ngăn ngừa các nguy cơ an ninh phi truyền thống đối với đất nước, góp phần bảo vệ

vững chắc Tổ quốc. Bên cạnh đó, một số quốc gia vẫn còn chủ quan hoặc rập khuôn, máy móc trong nhận thức, không chú trọng vấn đề bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa nên khi xảy ra chiến tranh, bạo loạn thì không thể đối phó, dẫn đến thất bại, để lại hậu quả nặng nề cho đất nước. Vì vậy, vấn đề bảo vệ

Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa là tổng thể hoạt động của đất nước tạo nên sức mạnh tổng hợp, nhằm phát hiện, ngăn chặn, đánh bại từ sớm, từ xa các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia từ bên trong nội bộ đất nước.

Tổ quốc từ sớm, từ xa ngày càng trở thành chiến lược lớn, mang tính chủ động, tích cực đối với mỗi quốc gia. “Muốn có hòa bình thì phải chuẩn bị cho chiến tranh”, “giữ nước từ khi nước chưa nguy”.

Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa là tổng thể hoạt động của đất nước tạo nên sức mạnh tổng hợp, nhằm phát hiện,

ngăn chặn, đánh bại từ sớm, từ xa các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia từ bên trong nội bộ đất nước, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà



Lễ Xuất quân Bệnh viện dã chiến cấp 2 số 6 và đội công binh số 3 đi làm nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại Nam Sudan và Khu vực Abyei _ Ảnh: IT

nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa dân tộc; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển đất nước.

Những năm qua, nhận thức về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ngày càng nâng cao.

Tuy nhiên vẫn còn những nhận thức chưa đúng, chưa sâu, chưa toàn diện về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược, thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa còn hạn chế, sơ hở, mất cảnh giác; tình hình an ninh còn diễn biến phức tạp trên một số địa bàn, lĩnh vực; an ninh mạng, an ninh trong đầu tư nước ngoài khó kiểm soát, tiềm

ẩn nhiều phức tạp; việc ngăn chặn, hóa giải từ sớm, từ xa, kịp thời những nguy cơ gây mất ổn định còn hạn chế.

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực có cả mặt thuận lợi và khó khăn đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong đó khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn của thời đại, và là một nội dung cốt lõi trong chiến lược của nhiều quốc gia trên thế giới. Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển. Châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa, kinh tế - chính trị, chiến lược ngày càng quan trọng.

Gần 40 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, những khó khăn, thách thức còn rất nhiều, nhất là tình hình chính trị, an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó dự báo, khó lường trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều

chỉnh chiến lược của các nước lớn; chiến tranh khu vực, xung đột chủ quyền, lãnh thổ, sắc tộc, tôn giáo, chủ nghĩa cường quyền, nước lớn liên kết, liên minh; khủng hoảng nhân đạo, y tế, biến đổi khí hậu và các nguy cơ đe dọa an ninh phi truyền thống diễn biến ngày càng phức tạp.

Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa trong thời kỳ mới là sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo, kết hợp chặt chẽ các phương thức bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; kế thừa, tiếp thu và phát triển kinh nghiệm, truyền thống của dân tộc, tinh hoa của nhân loại tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn. Phải luôn giữ được sự đoàn kết thống nhất, quyết tâm, lòng tin của nhân dân, phát huy dân chủ, không ngừng đổi mới để phát triển. Đó là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới là phải có tư duy và tầm nhìn chiến lược trong xây dựng

chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa gắn chặt, đi tắt, đón đầu, vượt lên sự phát triển của thời đại; xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa tạo nền tảng, động lực vững chắc cho kỷ nguyên vươn mình của quốc gia, dân tộc; phải đổi mới sáng tạo, tự chủ chiến lược trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa cần quán triệt những nội dung sau:

Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa:

Kết hợp chặt chẽ từ sớm, từ xa sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời

đại trên mọi lĩnh vực, lấy sức mạnh dân tộc là chính. Nguồn lực, sức mạnh của thế giới là quan trọng, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, vững chắc, bền vững để bảo vệ vững chắc hơn, sớm hơn, xa hơn, toàn diện hơn độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lợi ích quốc gia, dân tộc, chế độ xã hội chủ nghĩa, thành quả cách mạng, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ nền văn hóa; uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam; bảo vệ vững chắc, từ sớm, từ xa an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, giữ vững chính trị, trật tự, an toàn xã hội; triệt tiêu từ sớm, từ xa các nhân tố gây mất ổn định đất nước từ bên trong; dập tắt từ sớm, từ xa nguy cơ xung đột, chiến tranh, củng cố môi trường hòa bình để phát triển đất nước, hội nhập quốc tế, bảo đảm cơ đồ Việt Nam mãi mãi trường tồn; khẳng định sức mạnh, uy tín, vị thế to lớn, quan trọng của Việt Nam, đóng góp tích cực vào giữ gìn hòa bình, phát triển và tiến bộ xã hội của khu vực và thế giới.

Quan điểm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa:

Bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân mà Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa.

Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, không để Tổ quốc bị động, bất ngờ. Sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tranh thủ tối đa sự đồng tình ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa.

Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá

của các thế lực thù địch; chủ động phòng ngừa các mối đe dọa đối với Tổ quốc; có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa bằng biện pháp hòa bình, “trong âm, ngoài êm”.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc từ sớm, từ xa vùng trời, vùng biển của Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển. Bảo đảm an ninh, an toàn; ứng phó kịp thời, có hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực gìn giữ hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới.

Phương châm chỉ đạo bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa:

Luôn luôn kiên định mục tiêu, nguyên tắc chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.

Kiên trì giải quyết từ sớm, từ xa mâu thuẫn, xung đột bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, sự ủng hộ của dư luận thế giới và nhân dân trong nước; phân hóa, cô lập các

phần tử cực đoan, thế lực ngoan cố chống phá cách mạng Việt Nam.

Chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa, giữ vững ổn định bên trong; ngăn ngừa bất hòa, bất đồng, nguy cơ bạo động, xung đột, chiến tranh, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ từ cơ sở.

Chủ động thiết lập từ sớm, từ xa tuyến phòng thủ, vành đai an ninh từ ngoài lãnh thổ, biên giới hành chính quốc gia. Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa mọi lúc, mọi nơi.

Định hướng giải pháp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa:

Một là, nâng cao từ sớm, từ xa nhận thức, ý thức, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Hai là, nâng cao từ sớm, từ xa năng lực nghiên cứu, dự báo và tham mưu chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ba là, kết hợp từ sớm, từ xa, chặt chẽ, đồng thời, toàn diện, lâu dài giữa

xây dựng, phát triển với bảo vệ trong mọi lĩnh vực, hoạt động của đời sống xã hội tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, đẩy mạnh từ sớm, từ xa phòng, chống “diễn biến hòa bình”,

Bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân mà Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Năm là, kết hợp từ sớm, từ xa phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại chặt chẽ, đồng bộ, lâu dài, tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sáu là, xây dựng, phát triển từ sớm, từ xa nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân và “thế trận lòng dân” vững mạnh, toàn diện, làm nòng cốt vững chắc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bảy là, chủ động, tích cực từ sớm, từ xa ngăn ngừa, giải tỏa mâu thuẫn, xung đột, bất đồng, đẩy lùi nguy cơ bạo động, xung đột, chiến tranh, giữ vững hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Tám là, tổ chức từ sớm, từ xa hệ thống phòng thủ quốc gia vững chắc, toàn diện để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chín là, chuẩn bị, sẵn sàng từ sớm, từ xa các phương án trên mọi lĩnh vực để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Mười là, xây dựng, phát triển từ sớm, từ xa nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, tiên phong trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mười một là, tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa:

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống

chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, hiện đại; phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Xây dựng, phát triển nền văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; tạo nền tảng, động lực vững chắc, mạnh mẽ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa. Tăng cường quốc phòng, an ninh làm nòng cốt bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa. Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ■

VẬN DỤNG SÁNG TẠO PHÉP BIỆN CHỨNG MÁC XÍT VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN TRONG NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

● GS, TS ĐÌNH XUÂN DŨNG

*Nguyên Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận,
phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương*

N*guyên tắc* trong nghiên cứu lý luận với 4 cặp phạm trù: kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn với định hướng chính sách có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong nghiên cứu lý luận, đã được Đảng ta khẳng định nhiều lần và dứt khoát trong các văn kiện, đặc biệt từ khi đổi mới đến nay. Chính vì thực hiện các nguyên tắc đó một cách nhất quán, nghiêm cẩn, khoa học mà gần 40 năm qua, từ năm 1986 đến nay, công tác lý luận của Đảng ta đã thực sự đổi mới, vừa mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, vừa vững vàng, đúng hướng, phù hợp với quy luật và đặc điểm mới của thực tiễn.

Trước những vấn đề rất mới đang đặt ra trong thực tiễn (thế giới và trong nước) những năm này cho đến nửa đầu thế kỷ XXI, công tác lý luận của Đảng đòi hỏi một bước *phát triển mới*, có thể cần phải *đột phá*, nhất là khi thực tiễn mới đặt ra cần sự tìm tòi, lý giải và năng lực giải đáp của lý luận. Một ví dụ cụ thể: trong “Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng”, khi *dự báo* bối cảnh thế giới có đoạn viết: “Cục diện thế giới đang có sự chuyển biến nhanh, *phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc* và phân tuyến mạnh, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các *trung tâm quyền lực* sẽ ngày càng gay gắt cả về *phạm vi, cường độ*”. Đây là những dự báo mới, hết sức quan trọng,

đặt ra cho công tác nghiên cứu lý luận của Đảng những nhiệm vụ lớn, nặng nề, không phải chỉ để “minh họa” cho dự báo mà là trả lời, lý giải, nghiên cứu thực tiễn mới, và quan trọng hơn cả, từ đó giúp Đảng định hướng, xác định đường lối, chính sách, đối sách, cả về đối ngoại và đối nội... Vận dụng 4 cặp phạm trù trên sẽ là cơ sở vững chắc, là điểm tựa cho nghiên cứu lý luận, mà nếu nhìn khái quát, đó chính là *phép biện chứng mácxít và quan điểm phát triển* trong nghiên cứu lý luận.

Khi nhìn nhận giá trị của các học thuyết lớn trên thế giới, Bác Hồ đã khẳng định: Học thuyết Không Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. *Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng*. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là thích hợp với điều kiện nước ta... Như vậy, Bác Hồ của chúng ta đặc biệt nhấn mạnh một thành tựu khoa học vĩ đại của chủ nghĩa Mác là phép biện chứng - hạt nhân của học thuyết, của chủ nghĩa duy vật biện chứng của triết học Mác. Khi nhấn mạnh các nguyên tắc trong nghiên cứu lý luận thực chất, cốt lõi của nó là vận dụng triệt để và

sáng tạo phép biện chứng mácxít. Rời bỏ nó hoặc không đủ năng lực, trình độ vận dụng nó trong hoạt động nghiên cứu lý luận và cả trong hoạt động thực tiễn sẽ dẫn tới những sai lầm, hoặc là giáo điều, máy móc hoặc là lúng túng, chệch hướng. Tại Đại hội XIII của Đảng (2021), khi chỉ ra 10 “mối quan hệ lớn”, Văn kiện Đại hội đã khẳng định đó là “phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi trong đường lối đối mới của Đảng...”. Từ đó, Văn kiện xác định rõ các cặp phạm trù quan hệ biện chứng cần “*nắm vững và xử lý tốt*” như sau:

Giữa ổn định, đổi mới và phát triển;

Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị;

Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa;

Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;

Giữa Nhà nước, thị trường và xã hội;

Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường;

Giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế;

Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ;

Giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Phân tích các cặp phạm trù trên, chúng ta thấy rất rõ, Đảng ta đã vận dụng và thực hiện các nguyên tắc trong tổng kết thực tiễn và đúc kết lý luận một cách nhất quán và sáng tạo. 10 mối quan hệ trên là nội dung rất mới trong tổng kết lý luận của Đảng sau 35 năm đổi mới, nó chứa đựng trong từng mối quan hệ, sự thống nhất giữa *kiên định* và *đổi mới*, *kế thừa* và *phát triển*, *lý luận* và *thực tiễn*, và chính vì thế, nó có ý nghĩa chiến lược để *định hướng* công việc xây dựng các chính sách cho toàn bộ các lĩnh vực phát triển đất nước. Và đó cũng chính là kết quả của việc vận dụng sáng tạo phép biện chứng mácxít vào thực tiễn đổi mới ở nước ta.

Nắm vững và xử lý biện chứng quan hệ giữa *kiên định* và *đổi mới* là một nguyên tắc cốt lõi trong nghiên cứu lý luận, đồng thời là một *thách thức* lớn không chỉ trong nghiên cứu mà cả trong chỉ đạo thực tiễn. Tách rời hai

nhân tố đó sẽ dẫn tới những nguy cơ và sai lầm khó lường.

Vậy, nội hàm của kiên định là gì và nó phải giữ vị trí như thế nào trong đổi mới? Từ tổng kết thực tiễn, Đảng ta đã chỉ ra nội hàm là:

Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có ý kiến muốn đơn giản hóa bằng việc xác định: kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có người, khi trình bày, trở thành thói quen, chỉ nói “gọn” như vậy, tưởng rằng đó là nguyên tắc của nghiên cứu lý luận. Thực ra, nội hàm của nó *không chỉ* như vậy. Ở nội dung này có một vẻ rất quan trọng, đó là *gắn chặt kiên định với “vận dụng và phát triển sáng tạo”*. Cái khó chính là ở đây và kết quả thực sự của nghiên cứu lý luận phải là những sản phẩm lý luận chứa đựng trong nó đồng thời “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo”. Rất nhiều dẫn chứng qua gần 40 năm phát triển lý luận thời kỳ đổi mới để khẳng định cho nguyên tắc trên. Chỉ xin nêu một dẫn chứng, đó là vấn đề kinh tế thị trường. Có lẽ vấn đề này đã phải trải qua khoảng 9 kỳ Đại hội với một quá trình nghiên cứu thực tiễn cực kỳ

công phu và từng bước đúc kết lý luận. Từ quan điểm không thể chấp nhận kinh tế thị trường vì nó trái với quan điểm kinh tế - xã hội chủ nghĩa, phải là kế hoạch hóa, là tập trung đến khi khăng định nó là mô hình tổng quát, song phải là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là cả một quá trình tổng kết thực tiễn và đúc kết lý luận vừa bảo đảm sự kiên định chủ nghĩa xã hội vừa vận dụng và phát triển sáng tạo để hoàn thiện quan điểm đổi mới của chúng ta về chủ nghĩa xã hội. (Xin lưu ý nhỏ: chỉ cắt bỏ chữ “theo” (*theo* định hướng xã hội chủ nghĩa) đã phải trải qua một thời gian không hề ngắn, song việc cắt bỏ đó không phải có ý nghĩa “chữ nghĩa”, mà làm cho luận điểm trên mang một *nội dung mới*).

Theo quan điểm của C. Mác và đặc biệt của V.I. Lênin về một đảng kiểu mới, nhất thiết phải xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nhiều năm qua Đảng ta đã vận dụng nhất quán quan điểm cốt lõi đó, thể hiện rõ sự kiên định tư tưởng của V.I. Lênin. Song, trong thực tiễn xây dựng và chỉnh đốn Đảng thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã lần lượt bổ sung những yêu cầu mới, phát triển cấu trúc xây dựng Đảng

thành 4 thành tố (thêm *đạo đức*) và gần đây nhất, bổ sung một thành tố nữa là “cán bộ”, thành cấu trúc mới nhất gồm 5 thành tố: chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Như vậy, cùng với sự kiên định nguyên tắc cốt lõi, Đảng đã vận dụng và phát triển nguyên tắc xây dựng Đảng phù hợp và đáp ứng thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ mới.

Tuy vậy, đến nay việc thực hiện nguyên tắc này không phải đã hoàn thiện. Những vấn đề mới đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu để nâng cao hiệu quả của nguyên tắc kiên định và đổi mới. Chẳng hạn, ngay từ Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị (khóa VIII) “Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay” đã yêu cầu: Công tác lý luận phải khẳng định và làm rõ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm rõ những vấn đề *cần nhận thức cho đúng*, những vấn đề cần tiếp tục *bổ sung, điều chỉnh* và *phát triển* trên cơ sở tổng kết và khái quát những kinh nghiệm thực tiễn mới và những thành tựu khoa học hiện đại. Phải chăng thời gian qua chúng ta đã tiến hành nhiệm vụ rất quan trọng này song kết quả còn hạn chế và chưa được truyền tải rộng rãi, nên vẫn còn

những hiểu biết máy móc, giáo điều hay thậm chí xuyên tạc về chủ nghĩa Mác - Lênin. Hoặc như, đổi mới trên cơ sở kiên định, nhưng e ngại vì lo không kiên định nên chưa lý giải rõ những vấn đề mới đã và đang đặt ra trong thực tiễn.

Nguyên tắc *kế thừa và phát triển* trong nghiên cứu lý luận được Đảng ta vận dụng và xử lý biện chứng, khoa học trong nhiều năm qua. Đó là một truyền thống quý. Có ba đặc điểm trong thực hiện nguyên tắc này được sử dụng xuyên suốt trong quá trình chỉ đạo của Đảng: *một là*, không có sự *phủ định sạch trơn* quan điểm trước để dẫn tới đi ngược lại đường lối; *hai là*, thường xuyên có sự bổ sung, phát triển trên cơ sở *kế thừa cái đúng và cái phát triển* từ thực tiễn mới; *ba là*, có sự *phủ định biện chứng, điều chỉnh cái đã lỗi thời hoặc không còn phù hợp* và đổi mới nhận thức trên cơ sở tổng kết thực tiễn mới, đưa ra *luận điểm mới*. Có rất nhiều dẫn chứng đầy sức thuyết phục về đặc điểm trên ở hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống đất nước. Xin nêu một vài minh chứng. Tiếp tục quan điểm của V.I. Lênin về chuyên chính vô sản, sau khi cầm quyền, Đảng ta nhấn

mạnh đồng thời hai mặt: chuyên chính với kẻ thù và dân chủ với nhân dân. Vào những năm 60, 70 của thế kỷ XX, Đảng nêu luận điểm “làm chủ tập thể” và trong đổi mới nhấn mạnh quyền làm chủ của nhân dân (Hiến pháp năm 2013 nêu rất rõ tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân). Tổng hợp các nội dung của các luận điểm trên, Đảng đã đưa ra một luận điểm có tính khái quát, tổng hợp cao: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”. Đó là luận điểm *kế thừa và phát triển* rất biện chứng các luận điểm trước đó để đạt tới một tầm nhìn mới về một vấn đề hệ trọng bậc nhất của sự lãnh đạo, quản lý, làm chủ để phát triển đất nước trong thời kỳ hiện đại.

Một ví dụ khác về văn hóa. Luận điểm cơ bản về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam là “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” được xác định đầu tiên trong Cương lĩnh 1991 và làm rõ nội hàm của nó trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Để đi tới luận điểm đó, từ tổng kết thực tiễn đang vận động và đúc kết từng bước về lý luận, chúng ta đã trải qua một thời gian khá dài (có lẽ từ năm 1943 đến năm 1998). Cụ thể :

Năm 1943, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* xác định: nền văn hóa nội dung xã hội chủ nghĩa và *hình thức* dân tộc (vận dụng trực tiếp luận điểm của văn hóa Liên bang Xôviết).

Năm 1960, Đại hội III của Đảng điều chỉnh “nội dung xã hội chủ nghĩa và *tính chất* dân tộc” (bỏ từ “hình thức”).

Năm 1987, Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị xác định: Văn hóa xã hội chủ nghĩa (bỏ từ “nội dung”), đậm đà bản sắc dân tộc.

Từ năm 1991 đến năm 1998, tại Cương lĩnh 1991 và Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) đã hoàn thiện và điều chỉnh “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (bỏ cụm từ “văn hóa xã hội chủ nghĩa” trong Nghị quyết số 05-NQ/TW năm 1987 và thay thế” bằng từ “tiên tiến”). Luận điểm trên được khẳng định từ năm 1998 đến nay.

Nhìn vào quá trình trên, chúng ta thấy rất rõ sự vận dụng sáng tạo nguyên tắc “kế thừa và phát triển” trong nghiên cứu lý luận để từ đó đạt tới *thành tựu lý luận mới*. Ba đặc điểm trong thực hiện nguyên tắc này thể hiện rõ trong quá trình xây dựng lý luận về văn hóa của Đảng.

Kết quả quan trọng của việc vận dụng nguyên tắc này là tạo nên *chất lượng* mới của nghiên cứu lý luận và cao hơn, đó là tạo ra bước *đột phá* trong lý luận. Đường lối, tư tưởng đổi mới từ năm 1986 chính là sự đột phá vĩ đại đó. Và trong những năm qua, tư tưởng về đột phá lý luận được khơi dậy mạnh mẽ. Đại hội XI và XII của Đảng đã xác định 3 đột phá trên *lĩnh vực kinh tế và từ thực tiễn* 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, đến Đại hội XIII (2021), Đảng ta đã nâng, bổ sung, hoàn thiện từ ba đột phá về kinh tế thành ba *đột phá chiến lược* cho sự *phát triển nhanh và bền vững của đất nước*. Nội hàm của ba đột phá chiến lược này vừa là kế thừa tư tưởng lý luận của hai Đại hội trước vừa được bổ sung, phát triển mang tính toàn diện hơn, trong đó vị trí của văn hóa và con người Việt Nam được khẳng định mạnh mẽ. Để chuẩn bị cho Đại hội XIV sắp tới, tư tưởng lý luận về các *đột phá chiến lược* đang được nhấn mạnh và là nguồn lực nội sinh của đất nước khi bước vào kỷ nguyên mới.

Nguyên tắc kết hợp giữa *lý luận và thực tiễn*, từ tổng kết thực tiễn để đúc kết lý luận gắn chặt và có tác dụng

định hướng chính sách cho chỉ đạo và tổ chức hoạt động thực tiễn. Đã có nhiều công trình nghiên cứu làm rõ kết quả của việc thực hiện nguyên tắc này trong lịch sử 95 năm của Đảng. Hay nói cách khác, sự sáng tạo của Đảng ta thể hiện rõ năng lực tự chủ, tự lực, chủ động, gắn bó và am hiểu sâu sắc thực tiễn đất nước đang vận động để đúc kết thành lý luận; từ đó, lý luận trở về chỉ đạo thực tiễn, định hướng chính sách. Những thành tựu lý luận đạt được trong 95 năm qua đều có nguồn gốc sâu xa từ đây. Khi nào không bám chắc và am hiểu tính *đặc thù* của thực tiễn đất nước, khi đó cả lý luận và chỉ đạo thực tiễn sẽ vấp vào sai lầm hoặc kém hiệu quả.

Chúng ta đã chú ý nhiều đến quan hệ giữa tổng kết thực tiễn, nghiên cứu và đúc kết lý luận với định hướng chính sách, coi đó là *kết quả thực tiễn* của lý luận, nếu không sẽ rơi vào lý luận suông, xa rời đời sống. Những kết quả đạt được đã minh chứng cho con đường đúng đắn phải đạt tới từ lý luận đến thực tiễn. Tuy vậy, đến nay vẫn tồn tại hai hạn chế rõ rệt. *Một là*, một số kết quả nghiên cứu lý luận chưa được ứng dụng trong chỉ đạo định hướng

chính sách. *Chủ nghĩa kinh nghiệm* vẫn còn “đất sống”. *Hai là*, một số kết quả nghiên cứu lý luận còn rơi vào công thức, thậm chí “minh họa” hoặc xa rời cuộc sống, thiếu cái mới và sức sống của lý luận. Những hạn chế đó dẫn tới sự *lạc hậu* của lý luận và *độ trễ* của các chính sách trong quản lý, quản trị sự phát triển của các lĩnh vực trong đời sống, dấu hiệu đáng lo ngại mà Đại hội XIV sắp tới sẽ phải đột phá là vấn đề xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện các *thể chế* trong hầu hết các lĩnh vực của đất nước.

Thực hiện các nguyên tắc nghiên cứu lý luận không chỉ bảo đảm cho tính đúng đắn, khoa học của kết quả nghiên cứu, mà mục tiêu của nó là tạo cho sự *phát triển hợp quy luật, nhanh và bền vững* của đất nước thời kỳ mới. Quán triệt sâu sắc *quan điểm phát triển* là cơ sở, là động lực để thực hiện một cách sáng tạo các nguyên tắc trong nghiên cứu lý luận, có nghĩa là, các nguyên tắc đó không bó hẹp cứng nhắc sự *tìm tòi, đổi mới và đột phá* trong nghiên cứu lý luận. Giai đoạn mới của sự phát triển đất nước đang đặt ra một cách cấp thiết những yêu cầu đó trong nghiên cứu lý luận ■

LÝ LUẬN VĂN HÓA THỜI KỲ ĐỔI MỚI: THÀNH TỰU VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

● GS, TS TỪ THỊ LOAN

Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam

Thời kỳ đổi mới đã mang lại những biến đổi sâu sắc trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, công tác nghiên cứu lý luận văn hóa có vai trò quan trọng góp phần cung cấp cơ sở lý luận cho việc xác định chiến lược, chính sách, nội dung phát triển văn hóa nói riêng, phát triển bền vững đất nước nói chung.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, trước những tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, hiện đại hóa, toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, công tác nghiên cứu lý luận văn hóa không tránh khỏi còn nhiều hạn chế, lúng túng, không theo kịp thực tiễn, dẫn tới hiệu quả tư vấn,

tham khảo, định hướng phát triển chưa cao.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kỷ nguyên vươn mình của đất nước, việc nâng cao vai trò, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu lý luận văn hóa đang đặt ra cấp thiết. Một nền tảng lý luận văn hóa vững chắc sẽ giúp chúng ta phát triển hài hòa kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo tồn và phát huy đúng hướng bản sắc văn hóa dân tộc; giải quyết kịp thời các vấn đề văn hóa; định hướng đúng đắn tư tưởng và hệ giá trị trong xây dựng văn hóa và con người thời đại mới; thúc đẩy hội nhập quốc tế về văn hóa một cách chủ động.

1. Những thành tựu nổi bật trong công tác nghiên cứu lý luận văn hóa thời kỳ đổi mới

1.1. Đổi mới trong nhận thức về vai trò, chức năng, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa

Nếu trước thời kỳ đổi mới, lĩnh vực văn hóa chủ yếu chỉ được nhìn nhận, đề cao ở một số chức năng chính như chức năng giáo dục, chức năng nhận thức, chức năng thẩm mỹ, chức năng trao truyền văn hóa, chức năng cổ kết cộng đồng..., thì bước sang thời kỳ đổi mới, nhất là từ khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, nhận thức lý luận về vai trò, chức năng của văn hóa đã có sự thay đổi đáng kể. Một số chức năng khác đã được quan tâm, chú trọng để khai thác, phát huy trong mọi mặt của đời sống xã hội như chức năng kinh tế, chức năng giải trí, chức năng dự báo, chức năng điều tiết xã hội,...

Nếu trước đây, trong thực tiễn phát triển ngành văn hóa chủ yếu tập trung vào hoàn thành các chức năng nhiệm

vụ giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống; nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân; tuyên truyền, cổ động thực hiện các nhiệm vụ chính trị thì hiện nay, chức năng kinh tế đã được chú trọng, văn hóa được nhìn nhận như một nguồn lực đầy tiềm năng có thể khai thác, phát huy để phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, đóng góp thiết thực vào GDP đất nước, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân.

Bên cạnh đó, văn hóa cũng không chỉ có nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, mà còn có chức năng giải trí, thư giãn, bồi bổ tâm hồn, mang lại sự sảng khoái, cân bằng tâm lý, làm giàu đời sống nội tâm của con người. Văn hóa cũng có chức năng điều tiết sự phát triển của xã hội, góp phần điều chỉnh sự phát triển đúng hướng thông qua những mục tiêu nhân văn và các hệ giá trị, chuẩn mực của mình.

Trước đây, trong thời chiến, với chủ trương “kháng chiến hóa văn

hóa, văn hóa hóa kháng chiến” thì “văn hóa là một mặt trận”, “các văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận đó”. Đến nay, khi bước sang thời bình, “súng gươm xóa bỏ lại hiền như xưa”, văn hóa đã trở thành “sức mạnh mềm” của quốc gia, biến thành cầu nối hữu nghị, “đại sứ thiện chí” giúp quảng bá, lan tỏa, khẳng định những giá trị nhân văn, nhân bản, yêu chuộng hòa bình của văn hóa Việt Nam.

Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, quan niệm văn hóa là ngành chỉ biết tiêu tiền và “sống dựa” vào sự bao cấp của Nhà nước và các ngành khác, đến nay đã chuyển thành là một ngành “kiếm ra tiền” và “kiếm tiền rất tốt” nếu có cơ chế” phù hợp và biết khai thác đúng hướng.

Hưởng ứng chủ trương của Liên hợp quốc về phát triển bền vững, nhận thức lý luận về vị trí, tầm quan trọng, mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội cũng có những thay đổi đáng kể. Văn hóa không chỉ là “nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển”¹, mà còn được nâng lên một bước, trở thành “sức

mạnh nội sinh bảo đảm sự phát triển bền vững”².

Văn hóa không còn bị xem nhẹ như một lĩnh vực “ăn theo”, “bánh xe dự phòng thứ năm” mà được “đặt ngang hàng với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội”. Thậm chí, văn hóa phải đứng ở trung tâm của sự phát triển, mọi sự phát triển phải được khởi đầu và truyền bá bởi văn hóa. Văn hóa có mối quan hệ hữu cơ và tương hỗ với chính trị, kinh tế, xã hội, không phải là kết quả của phát triển kinh tế” - xã hội mà là yếu tố’ định hướng, dẫn dắt, điều tiết sự phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa cũng có mối liên hệ mật thiết với giáo dục, pháp luật, khoa học, công nghệ, xây dựng con người, “thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”³, bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

1.2. Đổi mới trong lý luận về văn hóa gắn với phát triển

Trước đổi mới, nghiên cứu văn hóa chủ yếu tập trung vào các giá trị văn hóa truyền thống và các mô hình văn hóa mang tính ổn định. Bước sang thời kỳ đổi mới, phạm vi nghiên cứu văn hóa đã được mở rộng theo nhiều

hướng đa dạng và luôn gắn bó mật thiết với quá trình phát triển. Đơn cử, trong mối quan hệ văn hóa và kinh tế, nhiều vấn đề lý luận mới đã được khai mở, phân tích, lý giải như: mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế thị trường, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, đạo đức kinh doanh, thương hiệu văn hóa, xây dựng thương hiệu quốc gia,... Văn hóa được xem như một yếu tố cốt lõi của phát triển kinh tế, trở thành nguồn lực vô tận phục vụ cho phát triển kinh tế.

Trong mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng ý thức hệ quốc gia, định hình tư tưởng chủ đạo, hệ giá trị, niềm tin của nhân dân, từ đó tác động đến nhận thức và hành động của người dân, góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của đất nước.

Văn hóa cũng trở thành công cụ quan trọng trong việc xây dựng

“quyền lực mềm” và ngoại giao văn hóa, giúp nâng cao vị thế, uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trong các quan hệ quốc tế.

Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển cũng được tìm hiểu, nghiên cứu, gắn kết với nhiều vấn đề khác như bảo

vệ môi trường sinh thái, quy hoạch đô thị, phát triển nông thôn, quyền con người, văn hóa và bình đẳng giới, v.v..

Cùng với sự cởi mở về tự do tôn giáo, tín ngưỡng, nhất là từ khi có Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, những nghiên cứu về văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng ngày càng nở rộ, góp phần đúc kết cơ sở lý luận cho nhiều vấn đề phức tạp, nhạy cảm của đời sống tâm linh đang bùng nổ trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Nhìn chung, những vấn đề lý luận mới trong nghiên cứu văn hóa thời kỳ đổi mới phản ánh sự thay đổi năng động về tư duy, tầm nhìn, năng lực

Nhìn chung, những vấn đề lý luận mới trong nghiên cứu văn hóa thời kỳ đổi mới phản ánh sự thay đổi năng động về tư duy, tầm nhìn, năng lực nghiên cứu, tinh thần đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế của giới nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

nghiên cứu, tinh thần đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế của giới nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

1.3. Tầm nhìn lý luận được mở rộng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa

Bước sang thời kỳ đổi mới, cùng với chính sách mở cửa, hội nhập sâu rộng và toàn diện của Đảng, công tác nghiên cứu lý luận về văn hóa cũng có bước phát triển mới, ngày càng mở rộng các mối quan tâm đến những vấn đề rộng lớn hơn, mang tính chung, phổ quát của nhân loại. Nhiều đề tài nghiên cứu, chương trình khoa học, công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước, các luận án tiến sĩ, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế đã góp phần làm rõ những vấn đề lý luận về giao lưu và tiếp biến văn hóa, hội nhập văn hóa, đa dạng văn hóa, khoan dung văn hóa, toàn cầu hóa văn hóa,...

Việc xử lý mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa được đặt ra một cách cụ thể, thiết thực, góp phần vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vừa giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa, bản sắc văn hóa Việt Nam, tránh nguy cơ “đánh

mất mình”, “hòa tan” trong cơn lốc toàn cầu hóa. Công tác lý luận cũng góp phần làm rõ những đặc trưng của văn hóa Việt Nam; nội dung, cách thức, biện pháp bảo tồn và phát huy trong bối cảnh đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Một thành tựu lớn của lý luận văn hóa thời kỳ này là bước đầu xây dựng được nền tảng lý luận về phát triển công nghiệp văn hóa Việt Nam, phát huy sức mạnh mềm của văn hóa dân tộc, xác định nội dung, bước đi, lộ trình, giải pháp đưa văn hóa Việt Nam bước ra sân chơi quốc tế, “xuất khẩu” văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Hoạt động mở rộng giao lưu, tiếp thu các thành tựu lý luận văn hóa của nước ngoài cũng được đẩy mạnh. Giới học thuật Việt Nam khá tích cực và nhanh nhạy trong việc cập nhật các quan điểm lý thuyết mới về phát triển văn hóa, đơn cử như trong các nghiên cứu về văn hóa cá nhân, văn hóa nhóm (nhất là các nhóm yếu thế, dị biệt, “bên lề”: người khuyết tật, đồng tính, chuyển giới,...), văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa gia đình, văn hóa học đường, văn hóa các dân



Tháng 3 “Tuổi trẻ với văn hóa truyền thống” diễn ra tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam _ Ảnh: VGP

tộc thiểu số, văn hóa nữ quyền, bình đẳng giới,...

Lý luận văn hóa Việt Nam có bước phát triển mới gắn với sự xuất hiện của nhiều ngành khoa học mới trong các khoa học xã hội và nhân văn như Văn hóa học, Nhân học văn hóa, Nhân học xã hội, Nhân học tôn giáo, Âm nhạc dân tộc học,... Nhờ đó, nhiều công trình lý luận văn hóa có giá trị, một số giáo trình có chất lượng về lý luận và lịch sử văn hóa Việt Nam đã được xuất bản. Khá nhiều

công trình lý luận có uy tín của các học giả nước ngoài được dịch và giới thiệu ở Việt Nam.

1.4. Những thành tựu bước đầu trong lý luận văn hóa gắn với thời đại số, khoa học, công nghệ, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Bước sang những năm đầu thế kỷ XXI, cùng với sự phát triển của internet, sự lên ngôi của cuộc sống số, thời đại số, kinh tế số, giới nghiên cứu Việt Nam đã kịp thời quan tâm đến những vấn đề lý luận mang tính thời sự,

“nóng hổi” của văn hóa số, xã hội số, công dân số.

Những nghiên cứu về các phương tiện truyền thông mới, mạng xã hội, văn hóa mạng, nhất là văn hóa giới trẻ trong đời sống số đã cập nhật những quan điểm lý luận đa chiều, cởi mở của học thuật thế giới, từ đó có những phân tích, đánh giá, kiến giải và ứng xử kịp thời trước những trào lưu, hiện tượng văn hóa mới.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, trình độ ngoại ngữ, năng lực nghiên cứu của giới học thuật Việt Nam cũng từng bước được nâng lên. Khả năng cập nhật tình hình nghiên cứu của nước ngoài ngày càng dễ dàng nhờ sự trợ giúp của các công cụ tìm kiếm hữu hiệu trong thời đại số, giúp tiếp cận các kho dữ liệu phong phú, các nguồn tài liệu tham khảo vô tận trên môi trường internet.

1.5. Cách tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu văn hóa được chú trọng

Khác với những nghiên cứu trước thời kỳ đổi mới, thường tập trung chuyên sâu vào một lĩnh vực của văn hóa hoặc các vấn đề chung của văn hóa một cách biệt lập với các ngành, lĩnh vực khác, bước sang thời kỳ đổi

mới, cách tiếp cận liên ngành đã ngày càng được chú trọng.

Song hành với sự phát triển rộng mở của các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam, nghiên cứu lý luận về văn hóa đòi hỏi sự kết hợp các thành tựu lý luận, phạm trù tri thức và lý thuyết của nhiều ngành khoa học khác nhau như nhân học, xã hội học, sử học, tâm lý học, kinh tế học, ký hiệu học, v.v.. Cách tiếp cận liên ngành giúp cho các nghiên cứu về văn hóa được nhìn nhận trong bức tranh toàn cảnh, tổng thể của đời sống xã hội, góp phần nắm bắt toàn diện và xử lý hiệu quả các vấn đề của văn hóa, tránh sa vào những vấn đề lý luận cao siêu, xa vời, duy ý chí mà ít tính khả thi.

Chẳng hạn, cách tiếp cận nhân học giúp nhấn mạnh vai trò của con người trong việc sáng tạo, duy trì và thay đổi văn hóa; văn hóa cá nhân và cộng đồng được xem xét không chỉ qua các biểu hiện riêng lẻ, mà còn gắn với toàn bộ chỉnh thể đời sống xã hội, kinh tế, văn hóa bao quanh; tính đa dạng văn hóa trong quá trình nhận diện, phân tích sự khác biệt giữa các nền văn hóa cũng như các yếu tố lịch sử, môi trường tác động đến chúng được quan tâm, v.v..

Tiếp cận xã hội học đòi hỏi phải lưu ý đến mối quan hệ mật thiết giữa văn hóa và xã hội, cách văn hóa ảnh hưởng đến hành vi xã hội và ngược lại, sự vận động của văn hóa trong xã hội, v.v..

Tiếp cận tâm lý học giúp nhà nghiên cứu thấy rõ ảnh hưởng của văn hóa đối với nhận thức, hành vi và tâm lý con người. Các nền tảng lý luận của tâm lý học nhận thức, tâm lý học xã hội, tâm lý học phát triển góp phần giải thích đầy đủ và sâu xa hơn các hiện tượng, biểu hiện của văn hóa.

Tiếp cận kinh tế học giúp nhìn nhận văn hóa như một nguồn lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt là trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo; xem xét văn hóa không chỉ trên phương diện giá trị tinh thần, mà còn như một loại hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm kinh tế.

Tiếp cận ký hiệu học giúp các nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn văn hóa như một hệ thống ký hiệu, nơi các biểu tượng, ngôn ngữ, hình ảnh đóng vai trò trung tâm trong việc tạo nghĩa, từ đó nắm bắt được và thấu hiểu đầy đủ hơn những văn bản, biểu tượng văn hóa để tìm ra ý nghĩa sâu xa bên trong của chúng.

Các cách tiếp cận khác như hậu cấu trúc, giải cấu trúc, hậu hiện đại đặt ra nghi vấn về các khái niệm truyền thông trong nghiên cứu văn hóa; xem văn hóa là một thực thể không cố định mà luôn thay đổi; nhấn mạnh sự đa dạng, tính chủ quan và tính tương đối của văn hóa, từ đó cảnh báo về nguy cơ “gồng cùm” mọi nhận thức, suy nghĩ, kiến giải trong nghiên cứu văn hóa nếu quá bị lệ thuộc vào các lý thuyết đi trước, trong khi trong thực tế cuộc sống nhiều vấn đề đã bị lịch sử vượt qua. Nhìn chung, cách tiếp cận liên ngành giúp mở rộng các chân trời tri thức và nhận thức, cung cấp các góc nhìn đa chiều và hệ thống, giúp cho việc xác định các nền tảng lý luận về văn hóa đầy đủ và toàn diện hơn.

2. Những hạn chế trong nghiên cứu lý luận văn hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, công tác nghiên cứu lý luận về văn hóa ở Việt Nam trong những năm đổi mới vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém so với mặt bằng chung của học thuật khu vực và thế giới.

Trước hết, đó là những hạn chế về mặt phương pháp luận. Rất nhiều

công trình khoa học, đề tài nghiên cứu, luận văn, luận án, nhất là của khối lý luận chính trị, đều nói về phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, song trong quá trình triển khai nghiên cứu hầu như không đề cập đến, hoặc nếu có vận dụng thì rất hời hợt, giản lược, thiếu sự lý giải thấu đáo. Bên cạnh đó, trong bối cảnh giao lưu và hội nhập quốc tế về học thuật hiện nay, cần cập nhật thêm các phương pháp luận khác mới mẻ, đa dạng và phong phú hơn.

Về mặt lý thuyết, đa phần các nghiên cứu thiên về kế thừa, tiếp thu một cách thụ động, dập khuôn các lý thuyết nước ngoài (thường là của các học giả phương Tây), mà ít có sự vận dụng sáng tạo, đổi mới, phát triển hay thậm chí phản biện các lý thuyết đó, trong khi một số lý thuyết rõ ràng không hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Xu hướng “sính ngoại” khiến cho nhiều công trình nghiên cứu, đề tài khoa học, luận văn, luận án không dám đề cao, khai thác các quan điểm lý thuyết của các nhà khoa học Việt Nam, phản ánh tư tưởng, trình độ tư

duy của người Việt, trong khi chúng ta không thiếu những tên tuổi có uy tín trong làng học thuật thế giới (Trần Quốc Vượng, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Văn Huyền,...).

Rất nhiều nghiên cứu không có đóng góp mới về mặt lý luận, chủ yếu là trích dẫn, minh họa, đi sâu diễn giải các chủ trương, nghị quyết, văn kiện của Đảng mà ít có tính phát triển, mở rộng hay khơi sâu.

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, một số nghiên cứu vẫn còn lạc hậu, bảo thủ, sử dụng những quan điểm lý thuyết cũ kỹ, giáo điều, ít cập nhật tình hình lý luận mới của thế giới. Một bộ phận các nhà nghiên cứu còn yếu về ngoại ngữ và kỹ năng máy tính, làm hạn chế năng lực tiếp nhận thông tin khoa học mới cũng như sử dụng các phương pháp nghiên cứu mới, tiếp cận dữ liệu lớn, sử dụng các phần mềm hiện đại và công nghệ số để hỗ trợ cho công tác nghiên cứu.

Thứ hai, là nghiên cứu thiếu tính liên ngành. Văn hóa là một đối tượng nghiên cứu vô cùng rộng lớn, phức tạp mà các cách tiếp cận chuyên

ngành không thể đủ sức giải quyết. Trong khi đó, hiện nay, rất nhiều nghiên cứu văn hóa vẫn dựa trên cách tiếp cận truyền thống của các khoa học chuyên ngành, do vậy, cơ sở lý luận mang tính phiến diện, đơn giản, chưa có sự kết hợp chặt chẽ với các chuyên ngành liên quan.

Thứ ba, lý luận văn hóa chưa theo kịp thực tiễn phát triển của xã hội và mặt bằng học thuật chung của thế giới. Trước thời kỳ đổi mới, hệ thống lý luận văn hóa của Việt Nam chủ yếu kế thừa và chịu ảnh hưởng từ các trường phái, quan điểm lý luận của hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây. Bước sang thời kỳ đổi mới, việc giao lưu, tiếp thu, tiếp biến các khuynh hướng học thuật đã đa chiều hơn nhưng nhìn chung vẫn khá hạn chế, thiếu tính hệ thống và bài bản, nên nhiều khi vẫn mang tính phiến diện, đơn giản, không chính xác và đầy đủ.

Thứ tư, hạn chế về nội dung và chủ đề nghiên cứu. Đến nay, chiếm ưu thế vẫn là mảng nghiên cứu về văn hóa truyền thống, di sản văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội dân gian. Các nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề của đời sống đương đại, như văn hóa trong

kinh tế, văn hóa trong chính trị, phát triển công nghiệp văn hóa, xây dựng sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam... còn khá khiêm tốn, chưa theo kịp thực tiễn sôi động và thay đổi nhanh chóng hiện nay.

Đặc biệt, lý luận văn hóa chưa theo kịp tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, trong khi AI, Big Data, Metaverse, sáng tạo nội dung số đang định hình lại cách tiếp cận văn hóa; các nền tảng số quốc tế (facebook, tiktok, youtube...) và ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa Việt Nam. Các nhà lý luận còn rất lúng túng trong việc nhận diện, phân tích và đưa ra giải pháp khả thi về văn hóa số, các hiện tượng văn hóa mới trên không gian mạng, tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, đạo đức sáng tạo trong môi trường số, v.v..

Thứ năm, ít có sự gắn kết giữa nghiên cứu lý luận và ứng dụng. Khoảng cách giữa nghiên cứu lý luận và việc ứng dụng vào thực tiễn đời sống còn khá xa vời. Nhiều nghiên cứu ở tình trạng “nghiên cứu vì nghiên cứu”, sau khi nghiệm thu, bảo vệ không dám công bố, “xã hội hóa”, không có nơi tiếp nhận, chuyển giao

và ứng dụng kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu có giá trị tư vấn, tham khảo tốt, có tính khả thi, nhưng lại không có cơ chế” để chuyển giao, thương mại hóa, triển khai kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

3. Một số vấn đề đặt ra đối với việc phát triển lý luận văn hóa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc có thể được hiểu là giai đoạn phát triển mạnh mẽ trên nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - công nghệ và vị thế quốc tế.

Để đạt được mục tiêu đó, cần có sự phát triển bứt phá trong tăng trưởng kinh tế bền vững, chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng công nghệ cao, kinh tế số và đổi mới sáng tạo; cải cách mạnh mẽ về thể chế và quản trị quốc gia, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu và công nghệ; có sự phát triển vượt bậc về khoa học - công nghệ dựa trên nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo vệ bản sắc văn hóa và nâng tầm văn hóa dân

tộc lên tầm cao mới, gia tăng vị thế, sức hấp dẫn của văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế; phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, chuyển đổi từ nền kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên sang nền kinh tế tri thức; hội nhập quốc tế sâu rộng, nâng cao sức ảnh hưởng trên trường quốc tế thông qua ngoại giao kinh tế, văn hóa

và khoa học - công nghệ. Để đáp ứng yêu cầu phát triển của kỷ nguyên mới của dân tộc, đối với công tác nghiên cứu lý luận văn hóa, có thể thấy còn một số vấn đề cần cốt như sau cần tập trung cải thiện, tháo gỡ để tạo sức bật mới trong quá trình phát triển:

Một là, vấn đề điều kiện và nguồn lực vật chất dành cho nghiên cứu lý luận văn hóa. Ở Việt Nam hiện nay, so với nhiều lĩnh vực khác, nhất là mảng kinh tế - kỹ thuật, lĩnh vực văn hóa nói chung, nghiên cứu lý luận về văn hóa nói riêng chưa được đầu tư, quan tâm đúng mức cả về vật chất lẫn tinh thần, chưa tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của công tác này.

Chính sách chưa phù hợp đã ảnh hưởng đến đam mê, nhiệt huyết cống hiến của đội ngũ nghiên cứu, tác động đến hiệu quả, giá trị của hoạt động nghiên cứu. Một số quy định về kiểm duyệt, xuất bản, phổ biến công trình nghiên cứu còn cứng nhắc, nặng tính hành chính, gây khó khăn cho tinh thần sáng tạo và phát triển lý luận văn hóa.

Hai là, vấn đề nguồn nhân lực trong công tác nghiên cứu. Lực lượng nghiên cứu lý luận về văn hóa ngày càng mỏng và yếu. Đội ngũ nghiên cứu trẻ có tài năng, tâm huyết ngày càng thưa vắng. Khác với trước đây, hiện nay, những sinh viên giỏi nhất không chọn ngành văn hóa, nghệ thuật và trong số những người vào học các trường văn hóa, nghệ thuật có rất ít sinh viên theo học ngành lý luận, phê bình. Đa phần những người làm công tác nghiên cứu lý luận, phê bình hiện nay đều không phải là những người được đào tạo đúng ngành, mà chủ yếu là do đam mê, tâm huyết hoặc công việc. Do những khó khăn, phức tạp, nhạy cảm của hoạt động lý luận, phê bình, đội ngũ này đang khủng hoảng thiếu nghiêm trọng, nhất

là lý luận, phê bình trong các ngành nghệ thuật. Các chuyên gia nghiên cứu chuyên sâu, có uy tín ngày càng vắng bóng, trong khi rất khó thu hút đội ngũ kế cận.

Ba là, vấn đề tự do học thuật, tự do tư tưởng, tự do thể hiện quan điểm. Cơ chế hiện nay vẫn khiến phần lớn các nhà nghiên cứu lý luận e ngại, “giữ mình” trong vùng an toàn, “tự kiểm duyệt” trong những vấn đề lý luận phức tạp, “nhạy cảm”. Không ít nhà nghiên cứu còn chịu ảnh hưởng của lối tư duy bảo thủ, lạc hậu, thiếu cởi mở với các luồng tư tưởng mới. Bên cạnh đó còn có tâm lý ngại thay đổi, ưa ổn định, né tránh các vấn đề gây tranh cãi, khiến cho văn hóa phản biện, khai phóng, đổi mới sáng tạo ít được bộc lộ trong đời sống học thuật.

Bốn là, vấn đề thiếu cọ xát với môi trường học thuật quốc tế. Việc tiếp cận các luồng tư tưởng học thuật mới trên thế giới còn bị hạn chế, dẫn đến sự chậm trễ trong việc cập nhật tri thức và mở rộng tầm nhìn về các vấn đề nghiên cứu. Hoạt động liên kết nghiên cứu trong và ngoài nước còn khiêm tốn, dẫn đến khó có sự cọ xát, học hỏi, hợp tác hiệu quả với các nhà

khoa học quốc tế, trong khi các mô hình lý luận văn hóa truyền thống đang dần lạc hậu trước sự biến động nhanh chóng của thời đại. Với tình trạng nghiên cứu lý luận như hiện nay, các nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam rất khó có thể đăng bài báo quốc tế trên các tạp chí có uy tín thuộc danh mục ISI, SCOPUS, WOS,...

4. Đề xuất một số định hướng nghiên cứu chính trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc

Một số định hướng nghiên cứu chính trong lĩnh vực lý luận văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới như sau:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống lý luận về vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững gắn với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Nghiên cứu sâu hơn về văn hóa như một động lực nội sinh của sự phát triển, không chỉ dừng lại ở vai trò là nền tảng tinh thần.

Làm rõ hơn cơ chế tương tác giữa văn hóa và các lĩnh vực khác như kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, pháp luật, khoa học - công nghệ..., từ đó đề xuất các mô hình phát triển bền vững dựa trên văn hóa. Chẳng hạn, về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh

tế, Đảng ta nhấn mạnh tăng trưởng kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa, coi đây là hai trụ cột song hành. Tuy nhiên, lý luận về cách thức lồng ghép giá trị văn hóa vào chiến lược phát triển kinh tế vẫn cần được tiếp tục làm rõ. Về mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, Đảng ta coi văn hóa là công cụ để củng cố hệ tư tưởng và tạo sự đồng thuận xã hội. Song, thách thức hiện nay là làm sao phát triển một nền văn hóa cởi mở, dân chủ mà vẫn giữ được định hướng chính trị vững chắc cũng là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Nghiên cứu sâu hơn cơ sở lý luận về “sức mạnh mềm” quốc gia. Hoàn thiện khung lý luận để phát triển các yếu tố tạo nên sức mạnh mềm Việt Nam trên trường quốc tế (chẳng hạn, sức hấp dẫn của văn hóa Việt Nam; uy tín của các nhân vật kiệt xuất và danh nhân văn hóa; chính sách đối nội và đối ngoại; sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, v.v.). Tìm ra các giải pháp hữu hiệu để có thể thúc đẩy quảng bá, “xuất khẩu” văn hóa Việt Nam ra thế giới thông qua ngoại giao văn hóa, giao lưu quốc tế và khai thác công nghệ số.

Nghiên cứu các biểu hiện văn hóa mới, những vấn đề thời sự của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh kỷ nguyên vươn mình. Nghiên cứu về văn hóa số, đạo đức số, công dân số và cách quản lý các hiện tượng văn hóa mới trên nền tảng kỹ thuật số. Đánh giá tác động của công nghệ số, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo đối với sự phát triển văn hóa, những chuẩn mực văn hóa mới trong không gian số.

Nghiên cứu về xung đột giá trị: Đối diện với những giá trị mới từ kinh tế thị trường, hiện đại hóa và toàn cầu hóa, xã hội Việt Nam chứng kiến những thay đổi nhanh chóng trong hệ thống giá trị về cá nhân, gia đình, đạo đức, lối sống, nhân cách... Làm thế nào để tìm ra cách thức điều tiết, hài hòa các giá trị này, tạo sự ổn định xã hội trong kỷ nguyên mới cũng là chủ đề đáng quan tâm.

Nghiên cứu về phát triển con người Việt Nam hiện đại. Đảng ta đề cao mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, là trung tâm của chiến lược phát triển. Tuy nhiên, cơ sở lý luận về “con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới” với

các phẩm chất, tiêu chí, chuẩn mực cụ thể vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu, đặc biệt là việc tìm ra cơ chế, cách thức thực hiện các tiêu chí, chuẩn mực đó. Xây dựng các mô hình giáo dục và phát triển nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên vươn mình.

Nên khuyến khích các nghiên cứu theo hướng liên ngành trong lĩnh vực văn hóa như gắn kết bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nghệ thuật với phát triển du lịch, thúc đẩy kinh tế, công nghiệp văn hóa; phát triển văn hóa, nghệ thuật gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, v.v..

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu về các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, buôn bán người, di cư quốc tế... dưới góc nhìn văn hóa, v.v..

Nghiên cứu lý luận về văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần tư vấn chiến lược, chính sách phát triển văn hóa nói riêng, phát triển bền vững đất nước nói chung; bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; cải cách thể chế” và quản trị quốc gia;

thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; xây dựng sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam; khuyến khích đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng nghiên cứu và ứng dụng lý luận văn hóa trong thực tiễn còn khá nhiều hạn chế, yếu kém cần khắc phục, những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

Những hạn chế, khó khăn, vấn đề đặt ra đó đòi hỏi sự vào cuộc của tất cả các bên liên quan, như sự quan tâm đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước; những cải cách hành chính trong công tác quản lý khoa học và công nghệ; sự đổi mới về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, nội dung và chất lượng nghiên cứu của giới học thuật; sự tăng cường

liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu, v.v..

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cùng với những biến chuyển mạnh mẽ trong tư duy lý luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, ứng dụng các thành tựu của khoa học, công nghệ vào hoạt động nghiên cứu, rất cần lòng nhiệt tình, tâm huyết và tinh thần trách nhiệm của giới trí thức tinh hoa, các nhà hoạch định chính sách và đặc biệt là thể hệ nghiên cứu trẻ trong việc tiếp tục phát huy những thành tựu lý luận đã đạt được, khắc phục những khó khăn, thách thức đang đặt ra, tiếp thu tinh hoa học thuật thế giới để nâng tầm cho nền lý luận văn hóa nước nhà ■

¹ ĐCSN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.57, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.303.

² Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 19/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị lần thứ 9 khóa XI về xây dựng văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

³ ĐCSN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.65, Sđd, tr.151.

VIỆC PHÂN KỲ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Nguyên Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ tính tất yếu của thời kỳ quá độ

Khái niệm “quá độ” lần đầu tiên được C. Mác sử dụng trong thư gửi Vâyđơ Maye, ngày 05/3/1852. Đến năm 1875, trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gôtha*, C.Mác viết: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị...”. Đây được coi là định nghĩa kinh điển về thời kỳ quá độ. Kế thừa và phát triển quan điểm của C.Mác, V.I.Lênin đã phân chia quá trình hình thành và phát

triển của chủ nghĩa cộng sản thành ba giai đoạn:

Giai đoạn một: “Những cơn đau đẻ kéo dài”.

Giai đoạn hai: “Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa”.

Giai đoạn ba: “Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa”.

Lênin cho rằng thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội gồm “những cơn đau đẻ kéo dài”; và có vị trí độc lập tương đối, không nằm trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

1.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã nêu ra các đặc điểm của thời kỳ quá độ

C.Mác nói nhiều về quá độ chính trị, V.I.Lênin bàn nhiều về quá độ “kinh tế”. Có thể khái quát những đặc

điểm cơ bản của thời kỳ quá độ theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin như sau:

Đặc điểm về kinh tế. Nền kinh tế còn tồn tại nhiều chế độ sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế đó đan xen với nhau và cùng phát triển.

Đặc điểm về chính trị: Là nhà nước chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Đặc điểm về văn hóa - xã hội: Phải kế thừa, tiếp thu có chọn lọc nền văn hóa và khoa học, kỹ thuật của các xã hội cũ, nhất là của chủ nghĩa tư bản.

1.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Nghiên cứu, phát triển chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin làm sâu sắc tính chất lâu dài, phức tạp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những nước có trình độ phát triển khác nhau rằng, với những nước chưa có chủ nghĩa tư bản phát triển cao mà đi lên chủ nghĩa xã hội, “cần phải có một thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”. Tính chất đó được quy định bởi chỗ thời kỳ đó không chỉ phải làm nhiệm vụ của thời

kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mà còn phải thực hiện cả một loạt nhiệm vụ mà đáng lẽ chủ nghĩa tư bản đã phải làm trước khi cách mạng vô sản nổ ra, như xóa bỏ các tàn tích phong kiến, kiến lập nền công nghiệp cơ khí hóa... Với những nước chưa phát triển, “tất yếu phải có một thời kỳ quá độ lâu dài và phức tạp từ xã hội tư bản chủ nghĩa (xã hội đó càng ít phát triển, thì thời kỳ đó càng dài),... chỉ là một trong những bước đầu tiên tiến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa”. Đây là giá trị lý luận khoa học đặc sắc được đúc rút từ quy luật: Chủ nghĩa xã hội ra đời trên cơ sở của sự phát triển đến đỉnh cao của chủ nghĩa tư bản; đồng thời, chủ nghĩa xã hội cũng có thể ra đời từ xuất phát điểm thấp hơn chủ nghĩa tư bản khi có những điều kiện, tiền đề và thời cơ chín muồi.

Với thực tiễn những năm đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xôviết đã giúp cho V.I.Lênin đưa ra kết luận khoa học: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải

một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội”. Từ đó, xác lập nên hai hình thức cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: (1) Quá độ trực tiếp - từ những nước tư bản phát triển lên chủ nghĩa xã hội; (2) Quá độ gián tiếp - từ những nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội.

Ở hình thức quá độ thứ hai - quá độ bỏ qua chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin chỉ ra nhiệm vụ của thời kỳ quá độ sẽ nặng nề, khó khăn, phức tạp hơn, bởi phải thực hiện “kép” cả hai nhiệm vụ là xây dựng chủ nghĩa xã hội về mặt chính trị, xã hội và đạt được những thành tựu cơ bản của chủ nghĩa tư bản về mặt khoa học, lực lượng và trình độ sản xuất. Do vậy, V.I.Lênin nhấn mạnh và đòi hỏi sự cần thiết phải trải qua nhiều bước trung gian, quá độ mới có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã

hội, ví như, phải “bắt những nhịp cầu nhỏ” đi xuyên qua kinh tế” tư bản để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, lưu ý “chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách *trung gian* cần thiết để chuyển từ những quan hệ *tiền tư bản chủ nghĩa* lên chủ nghĩa xã hội. Đó là mấu chốt của vấn đề”.

2. Quan điểm của Đảng về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn vận dụng và bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm, bối cảnh, tình hình cách mạng nước ta.

2.1. Đảng ta khẳng định Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ

Khẳng định phương hướng, con đường tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của cách mạng Việt Nam là theo con đường chung, tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội như chủ nghĩa Mác - Lênin đề ra. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (năm 1930) xác định: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách



Hà Nội đã và đang triển khai những bước đi cụ thể xây dựng Thủ đô thành thành phố thông minh, hiện đại _ Ảnh: VGP

mạng để đi tới xã hội cộng sản”; và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ ra: “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”. Con đường đó tất yếu sẽ trải qua thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những dấu ấn, đặc trưng của cách mạng Việt Nam.

2.2. Đảng ta chỉ rõ tính khó khăn, phức tạp, lâu dài của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Thừa nhận tính chất khó khăn, phức tạp, lâu dài, Đảng ta làm rõ đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: “từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”; đó là “một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về’ lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng”; “là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho

nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ”.

2.3. Đảng ta nhận thức sâu sắc những nội dung chủ yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam

Thừa nhận ở Việt Nam phải trải qua một thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhưng bổ sung, xác định nội dung mới: “quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành

tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”. Lựa chọn hình thức quá độ gián tiếp nhưng Đảng có bước phát

triển mới về nhận thức là không bỏ qua hoàn toàn chủ nghĩa tư bản với tính cách là một hình thái kinh tế - xã hội, mà kế thừa có chọn lọc những thành tựu, trước hết là về khoa học và

công nghệ nhân loại đạt được trong chủ nghĩa tư bản, chỉ bỏ qua chủ nghĩa tư bản với tính cách là một chế độ chính trị.

Đảng ta nhận thức rõ những nội dung chủ yếu: (1) Từng bước khắc phục sự đối lập máy móc, cứng nhắc giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội; (2) Tiếp tục khẳng định tính tất yếu phải tuân theo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản

xuất; (3) Xử lý quan hệ sở hữu dựa trên tiêu chuẩn, hiệu quả kinh tế và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; (4) Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch; (5) Ngày càng đề cao vai trò của sản xuất hàng

hóa; (6) Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển.

Đảng ta xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của một số chặng đường:

Thừa nhận định tính phổ quát về kinh tế, chính trị, xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như chủ nghĩa Mác - Lênin xác định, Đảng ta còn tiến xa hơn, cụ thể hóa, xác định các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể ở những chặng đường khác nhau của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, ở “chặng đường đầu tiên” quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội IV của Đảng xác định phương hướng chung là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong đó, cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt”; công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là “nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ, nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”. Nhờ đó, tạo điều kiện cho Đại hội VI xác định “*mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng*

đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”.

Với nhận thức ban đầu đó, trên cơ sở đánh giá thành tựu, hạn chế của hơn 15 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, cùng sự nhận thức rõ hơn về tính chất đặc điểm của thời kỳ quá độ, tại *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991*, Đảng ta đã xác định: “Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế” của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”; đồng thời chỉ ra: “*mục tiêu của chặng đường đầu* là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau”.

Sau 21 năm lãnh đạo cả nước tiến hành các nhiệm vụ ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, tổng kết việc thực hiện mục tiêu đã được xác định tại Đại hội VII và *Cương lĩnh năm*

1991, căn cứ vào tình hình thực tế đất nước, từ Đại hội VIII (năm 1996), Đảng ta xác định: “thế và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi rõ rệt về chất. *Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội* nghiêm trọng... tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Kể từ năm 1996 đến năm 2020, khi nước ta chuyển sang “thời kỳ phát triển mới”, trong mục tiêu tổng quát của các đại hội thời kỳ này (từ Đại hội VIII đến Đại hội XI), cùng với việc phấn đấu thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế, chính trị - xã hội, đối ngoại, Đảng ta luôn điều chỉnh và tiến tới xác định mục tiêu “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, nhằm “tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”.

Với cột mốc về thời gian bắt đầu từ năm 2020, Đảng đã đề ra mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội

chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Do vậy, mục tiêu cụ thể “để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau” của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay chính là: “Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”; như Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định và Đại hội XII, XIII tiếp tục bổ sung, cụ thể hóa rõ hơn, đó là: “phấn đấu đến giữa thế” kỷ XXI, Việt Nam trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Tuy nhiên, nhận thức về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn nhiều vấn đề chưa rõ. Nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ vẫn là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa còn chính xác không? Sau “bước đi ban đầu”, “chặng đường đầu”, “thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” là chặng đường gì? Bao giờ kết thúc thời kỳ quá độ? v.v.. Vì chưa xác định rõ phân kỳ của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nên chưa xác định được mục tiêu của từng chặng đường (hay từng giai đoạn). Vì thế, cần thực hiện sự phân kỳ thời kỳ

quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo hướng từng bước rõ hơn cả về định tính và định lượng, nhất là trên cơ sở tổng kết lý luận gắn với nghiên cứu, tổng kết thực tiễn đổi mới, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Tiếp tục nghiên cứu làm rõ sự phân kỳ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1. Có nên phân kỳ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nữa hay không?

Tại Đại hội XI, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* tiếp tục xác định cách thức phân kỳ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội theo hướng rõ hơn về mặt định tính: *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh,...* Đây là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá

độ là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn 35 năm đổi mới, Đại hội XIII của Đảng (năm 2021), lần đầu tiên lượng hóa về trình độ hiện đại hóa và trình độ phát triển của đất nước, đến năm 2025... Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Trên cơ sở đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam kiên trì, phát triển nhanh, bền vững lên chủ nghĩa xã hội nhằm tiếp tục kiên định đạt được trình độ phát triển cao. Sự toàn diện của mỗi người dân là điều kiện cho sự phát triển toàn diện của con người và văn hóa Việt Nam.

Đến nay, nội dung các chặng đường

đầu và chặng sau của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã bước đầu được lượng hóa trên hai phương diện gắn bó với nhau là: (1) trình độ hiện đại hóa gắn với văn minh của nền sản xuất xã hội và (2) trình độ phát triển theo hướng tiến bộ xã hội chủ nghĩa của các thể chế, các tổ chức xã hội trong việc tôn vinh, phát huy phẩm giá con người và văn hóa Việt Nam.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, không nên và thực tế cũng không cho phép “áp đặt những quy luật dứt khoát nào đó”; sự phân kỳ “chỉ có tính chất quy ước,... không phải là tuyệt đối”, chỉ có “chủ trương phát triển thường xuyên không ngừng” nhằm kiên định, kiên trì từng bước đạt đến mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội trong việc bảo đảm phát triển tự do, toàn diện của mỗi người và của mọi người mới là nội hàm bản chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, cả về lý luận cũng như thực tiễn, cách thức xác định nội hàm và cách thức phân kỳ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là có tính mở.

Cho đến nay, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đối với

các nước nói chung, với nước ta nói riêng vẫn là lĩnh vực lý luận mở, luôn mới mẻ, đòi hỏi phải thường xuyên cập nhật, không ngừng hoàn thiện.

3.2. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam đang đặt ra nhiều vấn đề lý luận phải giải quyết

Tình hình thế giới và trong nước thường xuyên biến đổi, công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, nảy sinh nhiều vấn đề mới, bộc lộ mâu thuẫn mới, những thời cơ và khó khăn, thách thức mới, đòi hỏi Đảng ta phải không ngừng nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, thường xuyên bổ sung, phát triển đường lối, tạo ra động lực mới để đưa công cuộc đổi mới đạt những thành tựu to lớn hơn. Hiện nay có những vấn đề lý luận về đường lối đổi mới đặt ra. Nổi lên là:

Thứ nhất, nhận thức về xã hội xã hội chủ nghĩa (về mô hình chủ nghĩa xã hội) ở nước ta có những bước phát triển nêu trên, nhưng vẫn còn những nhận thức chưa rõ, những nhận thức còn khác nhau. Có nên gọi là mô hình chủ nghĩa xã hội không? Mô hình chủ nghĩa xã hội bao gồm những thành tố nào? Mô hình chủ nghĩa xã hội Việt

Nam hay mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được xác định trong Cương lĩnh năm 1991 có sáu đặc trưng. Xã hội xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) gồm tám đặc trưng; trong đó đặc trưng thứ nhất đã bao hàm tất cả các đặc trưng còn lại, xác định như vậy đã phù hợp chưa? Tám đặc trưng đã phản ánh đầy đủ bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa chưa, vì chưa đề cập vấn đề xã hội, hệ thống chính trị và Đảng. Cương lĩnh mới phác thảo ra các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta sẽ xây dựng, nhưng nội hàm các đặc trưng là gì và cụ thể hóa cho từng giai đoạn như thế nào vẫn chưa được xác định thật rõ, v.v..

Thứ hai, nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam còn một số vấn đề chưa rõ: Con đường gồm những thành tố nào? Con đường khác phương hướng như thế nào? Vì sao lại kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội? (để đi đến mục tiêu có nhiều con đường). Các phương hướng cần được bổ sung, phát triển như thế nào?

Thứ ba, nhận thức về các chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; mục tiêu cụ thể của mỗi bước, mỗi chặng chưa được luận giải tường minh. Từ nay đến khi kết thúc thời kỳ quá độ là khoảng thời gian bao lâu, sẽ phải trải qua mấy chặng đường (hay mấy giai đoạn), bước đi và phấn đấu theo các mục tiêu cụ thể như thế nào v.v. vẫn là những câu hỏi cần được làm sáng rõ hơn.

Thứ tư, một số vấn đề lý luận kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với lực lượng sản xuất; về mô hình, phương thức quản lý phát triển xã hội; về đổi mới đồng bộ, phù hợp giữa kinh tế và chính trị; về quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội; về đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền... chưa được luận giải thấu đáo. Vì sao “định hướng xã hội chủ nghĩa” được dùng trong lĩnh vực kinh tế, các lĩnh vực khác là “xã hội chủ nghĩa”, trong khi cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng?

Thứ năm, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt

Nam chưa cập nhật và bao quát kịp những biến đổi quá mau lẹ và những yêu cầu rất mới mẻ của tình hình quốc tế, trong nước v.v..

Những vấn đề nêu trên đã ảnh hưởng đến nhận thức và niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân về công cuộc đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; dẫn đến sự thiếu thống nhất, do dự trong hoạt động thực tiễn...

3.3. Bao giờ Việt Nam kết thúc thời kỳ quá độ?

Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV có nêu chủ đề Đại hội “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đến năm 2030; vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi

lên chủ nghĩa xã hội”¹.

Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV nêu mục tiêu tổng quát, trong đó xác định: “...đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam; thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghệ hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao; vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”².

Như vậy, phải chăng đến giữa thế kỷ XXI, nước ta kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và như thế trong kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - nên chia thành hai giai đoạn là giai đoạn 2025 - 2035; giai đoạn 2035 - 2045 ■

^{1,2} ĐCSVN: Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng (tài liệu sử dụng tại Đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024, tr.5, 19.

SỰ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI QUA GẦN 40 NĂM ĐỔI MỚI

● PGS, TS TƯỜNG DUY KIÊN

*Viện trưởng Viện Quyền con người,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Bối cảnh quốc tế và trong nước dẫn tới sự hình thành, phát triển tư duy lý luận của Đảng về quyền con người

1.1. Bối cảnh quốc tế

Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai (năm 1945), Liên hợp quốc đặc biệt coi trọng vấn đề quyền con người; cùng với bản Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người năm 1948, các cơ quan của Liên hợp quốc đã bắt tay vào soạn thảo và Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua hàng loạt các công ước về quyền con người, tạo chuẩn mực quốc tế toàn cầu và khuyến khích các quốc gia, khu vực có trách nhiệm phải tuân thủ các cam kết quốc tế về quyền con người.

Kể từ khi thông qua bản Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người năm 1948, nhân quyền ngày càng được đề cao trong các hoạt động của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khu vực, nhất là cơ chế châu Âu, coi đó là hình mẫu cho các khu vực khác; trong đó có tác động đối với Cộng đồng ASEAN (ASEAN Community) được hình thành vào những năm 1990 và 1991, tác động trực diện đối với Việt Nam.

Vào cuối những năm 1980, đầu những năm 1990, sự khủng hoảng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu dẫn tới sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này, Đảng Cộng sản Liên Xô và các

nước Đông Âu chính thức mất vai trò lãnh đạo, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã và chấm dứt sự kết thúc của chiến tranh lạnh.

Sau khi kết thúc chiến tranh lạnh, Liên hợp quốc khởi xướng Hội nghị thế giới về nhân quyền lần thứ hai, được tổ chức vào tháng 6/1993 tại Viên (Áo). Hội nghị đặc biệt đề cao việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người thông qua hoạt động của các thiết chế quốc gia và vai trò của giáo dục, đào tạo, thông tin về quyền con người nhằm nâng cao nhận thức xã hội, giúp ngăn ngừa, hạn chế vi phạm quyền con người do thiếu hiểu biết, với việc thông qua bản Tuyên bố Viên và Chương trình hành động, trong đó khẳng định: Giáo dục, đào tạo và thông tin chung về quyền con người là thiết yếu cho thúc đẩy và đạt được các quan hệ hài hòa, ổn định trong các cộng đồng và để tăng cường được sự hiểu biết lẫn nhau, khoan dung và hòa bình. Hưởng ứng Tuyên bố Viên và Chương trình hành động, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết số 59/113A ngày 10/12/1994, tuyên bố về Chương trình Thập kỷ giáo dục quyền con người (1995 - 2004). Từ đó đến nay, Liên hợp

quốc đã thông qua năm giai đoạn của giáo dục quyền con người.

Mỹ và nhiều nước phương Tây xem nhân quyền là một trong những trụ cột trọng tâm của chính sách đối ngoại; đẩy mạnh chính sách “ngoại giao nhân quyền” trong bang giao giữa các nước, áp dụng tiêu chuẩn kép; coi tôn trọng, bảo vệ quyền con người là điều kiện cho viện trợ phát triển nhằm can thiệp công việc nội bộ và gây áp lực lên các nước có quan điểm, chính trị và thể chế chính trị khác với các nước ở phương Tây.

1.2. Bối cảnh trong nước

Sau khi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh cực kỳ khó khăn. Về kinh tế, lạm phát phi mã; về đối ngoại, Việt Nam bị bao vây, cấm vận, bị cô lập trên trường quốc tế. Các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô dẫn đầu lâm dần vào tình trạng khủng hoảng đi tới sụp đổ tác động tiêu cực đến thể chế chính trị của Việt Nam.

Năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội lần thứ VI, tạo ra bước đột phá về lý luận với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật. Chính thực tiễn đổi mới trên lĩnh vực kinh tế đã làm nảy sinh hàng loạt vấn

đề về quyền con người cần phải được quan tâm nghiên cứu.

Về đối ngoại, chủ trương, đường lối của Đảng là làm bạn, là đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế nhằm phá vỡ thế bao vây, cấm vận, cô lập trên trường quốc tế.

Trên lĩnh vực về quyền con người, Mỹ và nhiều nước phương Tây triệt để sử dụng chính sách ngoại giao nhân quyền tấn công vào nền tảng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với các bản báo cáo lên án Việt Nam vi phạm nghiêm trọng nhân quyền; các cơ quan của Liên hợp quốc không ngừng phê phán tình hình nhân quyền ở Việt Nam. Quyền con người luôn luôn là trọng tâm được đưa ra trong các cuộc đàm phán song phương và đa phương, trên các diễn đàn quốc tế, trong các cuộc viếng thăm nước ngoài của lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Ở trong nước, các phần tử suy thoái, cơ hội chính trị cổ súy ngọn cờ dân chủ, nhân quyền theo kiểu phương Tây với quan điểm đa nguyên, đa đảng. Thời điểm này chưa có hoạt động nghiên cứu lý luận về quyền con người làm cơ sở cho thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và bảo vệ nền tảng tư

tưởng của Đảng. Trong các văn kiện của Đảng và các quy định của pháp luật thiếu vắng khái niệm quyền con người, chủ yếu sử dụng khái niệm quyền công dân. Trong khi đó, Việt Nam lại là thành viên của Liên hợp quốc đã tham gia nhiều công ước quốc tế về quyền con người.

2. Nhận thức lý luận của Đảng về quyền con người qua các kỳ đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới

Thời kỳ đổi mới được bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986) tạo ra bước đột phá về lý luận với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”. Từ thực tiễn đổi mới trên lĩnh vực kinh tế đã làm nảy sinh hàng loạt vấn đề quyền con người, đó là việc thừa nhận quyền làm việc đòi hỏi mỗi người đều có quyền được lựa chọn nghề nghiệp, việc làm, lựa chọn nơi làm việc (trong các thành phần kinh tế); thừa nhận quyền sở hữu, sở hữu tư nhân (do lao động mà có); quyền tự do đi lại, cư trú, kể cả ra nước ngoài và trở về; quyền tiếp cận thông tin (gắn liền với quyền tự do ngôn luận); quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng (với tất cả các điều kiện để bảo đảm quyền này)... Từ những quyền về kinh tế đã làm nảy sinh nhu

cầu về quyền con người trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đại hội VI của Đảng nêu một luận điểm quan trọng: Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải *tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân* mà Hiến pháp đã quy định, bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân... Nhà nước “tôn trọng”, “bảo đảm” các quyền công dân, đồng thời phải quy định thành luật (trước hết là trong Hiến pháp) và phải trừng trị bất kể ai vi phạm quyền làm chủ. Đại hội nhấn mạnh bài học lớn: Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Đây là một nội dung của tư tưởng lấy dân làm gốc” mà Đảng ta luôn hướng tới, đồng thời cũng là mục tiêu của luật nhân quyền quốc tế...

Tuy nhiên, Đại hội VI của Đảng, mặc dù đã đề cập một số quyền cụ thể, nhưng mới tiếp cận dưới góc độ quyền công dân, chưa tiếp cận dưới góc độ quyền con người với nghĩa là giá trị phổ biến toàn nhân loại.

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) thông qua Cương lĩnh đầu tiên của thời kỳ đổi mới, trước sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* khẳng định: Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co;

song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử. Sự kiên định này là cơ sở để Việt Nam xử lý bình tĩnh, khéo léo những vấn đề mới nảy sinh (trong đó có vấn đề dân chủ, nhân quyền) với tầm nhìn mới, tri thức mới.

Về một số vấn đề có liên quan đến dân chủ, quyền con người, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII khẳng định:

Tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (...) Chạy theo những đòi hỏi dân chủ cực đoan, thực hiện dân chủ mà không gắn liền với kỷ luật, kỷ cương hoặc không tính toán đầy đủ đến tình hình chính trị, xã hội, thì mọi ý định tốt đẹp về phát huy dân chủ không thể thực hiện thành công, ngược lại sẽ đưa đến những hậu quả làm tổn hại lợi ích của nhân dân.

Trước những nhu cầu về quyền con người, Đảng đã thể hiện những nhận thức mới, cụ thể là: Tín ngưỡng *tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và còn tồn tại lâu dài. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân...

Cương lĩnh chỉ rõ những đặc trưng cơ bản của xã hội mà chúng ta đang hướng tới và lần đầu tiên khái niệm quyền con người chính thức được đưa vào trong văn kiện Đảng, đó là: Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm; đồng thời với quan điểm rõ ràng về bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Cụ thể hóa các văn kiện Đại hội, Nghị quyết của Đảng về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay (tháng 3/1992) nêu rõ: Những mặt yếu kém (...) có nguyên nhân khách quan bắt nguồn từ những hạn chế lịch sử. Trước hết là do sự lạc hậu chung về nhận thức lý luận và sự chậm trễ của khoa học xã hội kéo dài nhiều thập kỷ trong cả hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới; vì thế, “đối với những học thuyết khác - ngoài chủ nghĩa Mác - Lênin về xã hội, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều cũng như chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa

cơ hội dưới mọi màu sắc. Đảng chỉ rõ những hướng nghiên cứu chủ yếu là: Nghiên cứu những kinh nghiệm lịch sử hơn 70 năm của chủ nghĩa xã hội hiện thực, những bài học rút ra từ cuộc cải tổ và sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Chú trọng nghiên cứu những vấn đề về thời đại, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về những biến đổi trong các quan hệ quốc tế, về trật tự thế giới mới, dự báo xu hướng phát triển của thế giới và của khu vực trong những thập kỷ tới.

Năm 1992, xuất phát từ những diễn biến mới của tình hình trong nước và thế giới, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta. Các quan điểm này có vai trò định hướng cho hoạt động của cả hệ thống chính trị Việt Nam trên lĩnh vực quyền con người, cả đối nội và đối ngoại.

Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) nhấn mạnh: Ban hành các đạo luật cần thiết để điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ưu tiên xây dựng các luật về kinh tế, về các quyền công dân (...) nâng cao chất lượng xây dựng

pháp luật, ban hành các văn bản luật với những quy định cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện. Trên lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, quan điểm của Đảng là dứt khoát bác bỏ mọi mưu toan lợi dụng “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Ở thời điểm này, Đảng ta coi có những thế lực vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện diễn biến hòa bình, thường xuyên dùng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng can thiệp vào nội bộ nước ta” là một trong các nguy cơ đối với vận mệnh của Đảng.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) nhấn mạnh: Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người. Giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) xác định: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người.

Đồng thời xác định mục tiêu trọng tâm của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 là: Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Đây được xác định là bước đột phá về quan điểm của Đảng về sứ mệnh của cơ quan tư pháp.

Trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế và giải quyết các vấn đề, quan điểm khác nhau về quyền con người, Đảng chủ trương: Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đại hội XI (năm 2011) trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, và đưa ra một loạt quan điểm mới về con người, quyền con người như sau:

+ *Con người* là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân; Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

+ Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện;

+ Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết.

+ Đẩy mạnh việc thực hiện *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, tiếp tục quan điểm: xây dựng hệ

thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

+ Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) cùng với việc đưa nội dung quyền con người vào các văn kiện Đại hội đã nhấn mạnh nhiệm vụ tiếp tục: Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, đồng thời xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước,

quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) tiếp tục phát triển nhận thức về quyền con người trong thời kỳ mới của đất nước - thời kỳ đẩy mạnh mọi hoạt động đối nội và đối ngoại nhằm hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước hùng cường. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn 35 năm đổi mới, Đại hội có cách tiếp cận mới về chủ thể hưởng quyền với quan điểm: Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Quan điểm đó đã làm sáng rõ hơn về chủ thể hưởng quyền con người, đó chính là nhân dân. Từ cách tiếp cận này, Đại hội XIII của Đảng đã đặt ra yêu cầu: Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt là vai trò của các cơ quan nhà

nước tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người.

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và các nghị quyết trước đó, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó có nhận định, đánh giá: Cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, quyền con người, quyền công dân có mặt chưa được phát huy đầy đủ; cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, Hội nghị đã đề ra quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp về xây dựng Nhà nước pháp quyền, trong đó xuyên suốt là tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người.

Về quan điểm: thể chế hóa kịp thời, đầy đủ và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng; lấy con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Về mục tiêu: mục tiêu tổng quát là:

... thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là: hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân... Hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

Về nhiệm vụ:

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, về đặc trưng quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn

trọng, bảo đảm, bảo vệ theo Hiến pháp và pháp luật; Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.

+ Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

+ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm

yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững: xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

+ Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân:

Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tư pháp, bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; bảo đảm tính độc lập của toà án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là

đột phá; bảo đảm tổ tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Xác định thẩm quyền của toà án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp; mở rộng thẩm quyền của toà án trong xét xử các vi phạm hành chính, quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân đối với người bị giữ, bị bắt, tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan thi hành án. Hoàn thiện cơ chế thi hành án hình sự theo hướng nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý giáo dục, cải tạo phạm nhân, quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng

đồng; bảo đảm và bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung chính các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người, bảo đảm, bảo vệ quyền con người trong thời kỳ đổi mới

Nội dung, quan điểm của Đảng về quyền con người, bảo đảm, bảo vệ quyền con người được thể hiện rõ nét trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta; *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011)* và trong các văn kiện Đại hội IX, X, XII và XIII của Đảng, Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các giai đoạn mới; trong các bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Có thể khái quát các quan điểm chính sau đây:

Thứ nhất, chăm lo cho con người, lấy con người/nhân dân là trung tâm, mục tiêu, chủ thể, động lực phát triển đất nước. Mọi chủ trương, chính sách phải thật sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

Thứ hai, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013; hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người.

Thứ ba, Nhà nước có trách nhiệm công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân; xuất phát từ bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; Nhà nước hoạt động là vì con người, bảo đảm và thực hiện quyền con người.

Thứ tư, quyền đi đôi với nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền của mỗi cá nhân không tách rời nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Thứ năm, hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Thứ sáu, tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

Thứ bảy, chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung về quyền con người, tham gia định hình các thể chế quốc tế về quyền con người, sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về quyền con người.

Thứ tám, quyền con người là giá trị chung của nhân loại. Khi xem xét và giải quyết các vấn đề có liên quan tới vấn đề quyền con người phải đặt trong tổng thể, hài hòa các mối quan hệ: lợi ích cá nhân, lợi ích quốc gia, dân tộc; gắn với trình độ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, truyền thống, với độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia; chống khuynh hướng chính trị hóa nhân quyền; sử dụng nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Thứ chín, phát huy vai trò, giá trị quyền con người xã hội chủ nghĩa để tạo động lực phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới ■